

MỤC LỤC

Lời cảm ơn

Phần mở đầu	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu của khóa luận	2
3. Phương pháp nghiên cứu	2
4. Bố cục khóa luận.....	3
CHƯƠNG I CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG CỦA ĐỀ TÀI	4
1.1. Một số khái niệm về du lịch, văn hoá và mối quan hệ giữa chúng.	4
1.1.1. Khái niệm về du lịch	4
1.1.2. Khái niệm văn hoá.....	5
1.1.3. Mối quan hệ giữa văn hoá và du lịch	7
1.1.3.1. Tác động của du lịch tới văn hoá	7
1.1.3.2. Tác động tích cực.....	7
1.1.3.3. Tác động tiêu cực.....	8
1.2. Một số vấn đề về di tích lịch sử văn hoá	9
1.2.1. Khái niệm di tích lịch sử văn hoá.....	9
1.2.2. Vai trò của di tích lịch sử văn hoá trong hoạt động du lịch.	11
1.3. Một số vấn đề về Lễ hội	11
1.3.1. Khái niệm Lễ hội.....	11
1.3.2. Phân loại lễ hội	12
1.3.3. Cấu trúc của lễ hội truyền thống	13
1.3.4. Tác động qua lại giữa Lễ hội và du lịch.....	13
1.3.4.1. Tác động tích cực.....	13
1.3.4.2. Tác động tiêu cực.....	14
1.4. Khái quát về Nữ tướng Lê Chân- Nhân vật được tôn thờ của di tích và lễ hội Đền Nghè	15
1.4.1. Bối cảnh lịch sử.....	15
1.4.1.1. Việt Nam và Hải Phòng những năm đầu công nguyên.....	15
1.4.1.2. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng	16
1.4.2. Cuộc đời và sự nghiệp của Nữ tướng Lê Chân	19
1.4.2.1. Thân thế và cuộc đời của Nữ tướng Lê Chân	19
1.4.2.2. Những đóng góp của Nữ tướng Lê Chân.....	23
1.5. Tiêu kết	23

CHƯƠNG II THỰC TRẠNG DI TÍCH VÀ LỄ HỘI ĐỀN NGHÈ	24
2.1. Khái quát về Hải Phòng	24
2.1.1. Vị trí địa lý và dân cư.....	24
2.1.2. Kinh tế, xã hội	24
2.1.3. Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	25
2.1.4. Tài nguyên du lịch nhân văn	26
2.2. Các công trình tưởng niệm Nữ tướng Lê Chân	27
2.3. Di tích lịch sử văn hóa Đền Nghè.....	31
2.3.1. Vị trí địa lý, lịch sử hình thành và phát triển Đền Nghè.....	34
2.3.2. Các công trình kiến trúc tại Đền Nghè.....	36
2.3.3. Di vật tiêu biểu trong khuôn viên di tích.....	40
2.3.4. Điện Tứ phủ Đền Nghè	42
2.3.5. Các đối tượng thờ tại Tứ Phủ	43
2.3.6. Giá trị của di tích lịch sử văn hóa Đền Nghè	47
2.3.6.1. <i>Giá trị nghệ thuật</i>	47
2.3.6.2. <i>Giá trị lịch sử</i>	48
2.3.6.3. <i>Giá trị nhân văn</i>	48
2.3. Lễ hội Đền Nghè.....	48
2.4.1. Tên gọi, xuất xứ của lễ hội.....	49
2.4.2. Không gian và thời gian tổ chức lễ hội	49
2.4.3. Mục đích, lý do tổ chức lễ hội.....	49
2.4.4. Nội dung của lễ hội	50
2.4.4.1. <i>Lễ hội truyền thống</i>	50
2.4.4.2. <i>Lễ hội hiện đại</i>	54
2.4.5. Giá trị của lễ hội	56
2.4. Tiểu kết	57
CHƯƠNG III MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC HIỆU QUẢ DI TÍCH VÀ LỄ HỘI ĐỀN NGHÈ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH	58
3.1. Giải pháp khai thác di tích lịch sử văn hóa Đền Nghè	58
3.1.1. Kết hợp với các tuyến điểm du lịch khác để xây dựng chương trình du lịch theo chuyên đề.....	58
3.1.2. Giải pháp về công tác quản lý	60
3.1.3. Giải pháp về đầu tư	61
3.1.4. Giải pháp về bảo tồn, tôn tạo di tích	61

3.1.6. Tuyên truyền, quảng bá cho di tích.....	62
3.1.7. Giải pháp về đào tạo.....	63
3.1.8. Một số kiến nghị.....	64
3.2. Giải pháp khai thác lễ hội đền Nghè.....	65
3.2.1. Giải pháp về công tác tổ chức và quản lí	66
3.2.2. Giải pháp về phát triển du lịch	66
3.2.3. Giải pháp về đào tạo.....	67
3.2.4. Giải pháp về tuyên truyền, quảng bá lễ hội.....	67
3.3. Tiểu kết	68
KẾT LUẬN	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO	70
PHỤ LỤC	

Lời cảm ơn

Trong quá trình nghiên cứu và viết khóa luận em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các thầy cô, các bạn sinh viên, các ban ngành, các đơn vị cơ quan và nhiều cá nhân đã tạo điều kiện và giúp đỡ em trong việc thu thập, tìm kiếm tài liệu và kiến thức để phục vụ cho bài viết.

Qua đây cho em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban giám hiệu nhà trường, các thầy cô giáo và các bạn sinh viên ngành văn hóa du lịch – Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, các cán bộ nhân viên Phòng văn hóa quận Lê Chân – Hải Phòng, trưởng ban quản lý di tích lịch sử văn hóa đền Nghè đã dành thời gian và cung cấp tài liệu cho em để hoàn thành bài khóa luận.

Đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Thạc sĩ Vũ Thị Thanh Hương – Người đã trực tiếp hướng dẫn em trong suốt quá trình làm bài khóa luận, giúp em hoàn thành tốt nhiệm vụ mà nhà trường đã đề ra.

Do giới hạn về thời gian và những hạn chế về phương pháp so sánh, phân tích, đánh giá nhìn nhận thực tế nên bài khóa luận của em chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Rất mong nhận được sự nhận xét, đóng góp, phê bình từ các thầy cô và các bạn sinh viên để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Ngô Thị Hằng

Phần mở đầu

1. Lý do chọn đề tài

Ngay từ khi dựng nước, Việt Nam tuy không phải là một quốc gia lớn nhưng bên cạnh là những cường quốc lại có vị trí nằm sát biển Đông mênh mông, đồng bào Việt Nam không những phải chống chọi với thiên tai mà còn phải đương đầu với sự nô dịch và bành chướng của những thế lực thù địch. Chính vì vậy, trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã hun đúc lên truyền thống “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh. Bên cạnh những trang hào kiệt, đến nhi đồng, nữ nhi cũng trở thành anh hùng. Khi Tổ quốc bị xâm lăng, họ là ngọn cờ quy tụ toàn dân đứng lên đánh đuổi quân thù bảo vệ nền độc lập, tự chủ của dân tộc. Nữ tướng Lê Chân là một trong những anh hùng như vậy.

Trong rất nhiều di tích lịch sử văn hóa là những công trình tưởng niệm Nữ tướng Lê Chân thì đền Nghè có được sự khang trang, bề thế như ngày hôm nay chính là kết tinh của truyền thống uống nước nhớ nguồn, lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

Di tích đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia và cấp kinh phí trùng tu với quy mô lớn. Năm 2013 là năm du lịch quốc gia đồng bằng sông Hồng di tích lịch sử văn hóa và lễ hội đền Nghè được đề cử là một trong những điểm đến tâm linh của du khách để quảng bá hình ảnh của các tỉnh, thành phố khu vực đồng bằng sông Hồng đặc biệt là Hải Phòng – thành phố đáng cai.

Là một người con sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Hải Phòng giàu truyền thống yêu nước với những con người mến khách, với những danh lam thắng cảnh đẹp và qua bài khóa luận này em muốn đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình cho quê hương thông qua việc giới thiệu về di tích lịch sử văn hóa và lễ hội đền Nghè.

2. Mục đích nghiên cứu của khóa luận

- Tổng kết cơ sở lý luận và thực tiễn về du lịch, văn hóa, du lịch văn hóa và lễ hội, du lịch lễ hội
- Nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng di tích lịch sử văn hóa và lễ hội đền Nghè
- Đề ra các giải pháp khai thác di tích và lễ hội đền Nghè nhằm phát triển du lịch văn hóa của thành phố

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Di tích lịch sử văn hóa và lễ hội đền Nghè phục vụ cho phát triển du lịch.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp điều tra nghiên cứu thực địa

Là một phương pháp quan trọng để nghiên cứu, điều tra du lịch đem lại kết quả một cách chính xác nhất, hiệu quả nhất. Đi tìm hiểu trực tiếp đối tượng điều tra là để nhận thức, đánh giá một cách thực tế nhất về giá trị, hiện trạng của đối tượng điều tra để từ đó đề ra những giải pháp để phát triển du lịch.

- Phương pháp thu thập và xử lý thông tin

Thông tin không những đòi hỏi phải sự chính xác mà còn phải đầy đủ về mọi mặt như: lịch sử, địa lý, chính trị, văn hóa và các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch. Các thông tin đó có từ rất nhiều nguồn: sách báo, mạng internet,... vì vậy mà cần phải chọn lọc, xử lý để có được nội dung hợp lý nhất.

- Phương pháp phân tích, đánh giá, so sánh

Từ các nguồn tài liệu cần đưa ra các nhận xét, đánh giá về đối tượng điều tra để thấy được giá trị của di tích và lễ hội, nêu thực trạng khai thác phục vụ trong du lịch. Từ đó đề ra giải pháp để khắc phục những hạn chế, bất cập, phát huy tiềm năng tài nguyên du lịch nhân văn.

- Phương pháp xã hội học

Là phương pháp tiếp cận trực tiếp với những người quản lý di tích, những người dân địa phương, những người tham gia lễ hội để biết thêm những thông tin nhanh nhạy về đối tượng điều tra.

4. Bố cục khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, khóa luận gồm:

Chương I: Cơ sở lý luận chung của đề tài

Sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp của nữ tướng Lê Chân

Chương II: Thực trạng di tích và lễ hội đền Nghè

Chương III: Một số giải pháp nhằm khai thác hiệu quả di tích và lễ hội đền Nghè phục vụ hoạt động du lịch

CHƯƠNG I
CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG CỦA ĐỀ TÀI
Sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp của nữ tướng Lê Chân

1.1. Một số khái niệm về du lịch, văn hoá và mối quan hệ giữa chúng.

1.1.1. Khái niệm về du lịch

Du lịch ngày nay đã trở thành một ngành kinh tế đang phát triển ở tất cả các quốc gia trên thế giới. Đã có rất nhiều những ý kiến, nhận định về du lịch khác nhau. Đúng như một chuyên gia du lịch nhận định: “Đối với du lịch có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa”.

Ở nước Anh du lịch xuất phát từ tiếng “To Tour” có nghĩa là cuộc dạo chơi. Trong tiếng Pháp xuất phát từ tiếng “Le Tour” cũng có nghĩa là cuộc dạo chơi, cuộc dã ngoại.

Theo nhà sử học Trần Quốc Vượng thì du lịch được hiểu như sau: Du có nghĩa là đi chơi, Lịch có nghĩa là lịch lãm, từng trải, hiểu biết. Như vậy du lịch được hiểu là đi chơi nhằm tăng thêm kiến thức.[7;25]

Năm 1963, với mục đích quốc tế hoá, tại Hội nghị Liên hợp quốc về du lịch họp ở Roma, các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa về du lịch như sau: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở

Như vậy, có khá nhiều khái niệm Du lịch nhưng tổng hợp lại ta thấy du lịch bao gồm các yếu tố sau:

- Du lịch là sự di chuyển và tạm thời lưu trú ngoài nơi ở thường xuyên của cá nhân tập thể nhằm thoả mãn các nhu cầu khác nhau của họ

- Du lịch là tập hợp các hoạt động kinh doanh phong phú và đa dạng nhằm phục vụ các cuộc hành trình, lưu trú tạm thời và các nhu cầu khác khi họ ở ngoài nơi cư trú thường xuyên của họ.

- Các cuộc hành trình, lưu trú tạm thời của cá nhân hoặc tập thể đó đều đồng thời có một số mục đích nhất định trong đó có mục đích hoà bình.

thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hoà bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ”.

1.1.2. Khái niệm văn hoá

Ngay từ thuở lọt lòng, chúng ta đã đắm mình trong chất men văn hóa; từ lời ru của mẹ, lời dạy bảo của cha, tiếng gọi đò, tiếng rao của những người bán hàng rong,... tất cả những sự kiện đó, hình ảnh đó, âm thanh đó đều thuộc về văn hóa. Hay những cái vật chất như ăn, mặc, ở, phương tiện đi lại đều là văn hóa. Chính văn hóa đã nuôi chúng ta lớn khôn thành người. Ta thường nghe nói đến văn hóa ẩm thực, văn hóa trang phục, văn hóa ứng xử, văn hóa kinh doanh, văn hóa chính trị, văn hóa Đông Sơn, văn hóa Óc Eo,... Từ văn hóa có rất nhiều nghĩa nó được dùng để chỉ những khái niệm có nội hàm khác nhau. Tuy được dùng theo nhiều nghĩa khác nhau, nhưng suy cho cùng thì khái niệm văn hóa bao giờ cũng có thể quy về hai cách hiểu chính là theo nghĩa hẹp và theo nghĩa rộng.

Theo nghĩa hẹp văn hóa được giới hạn theo chiều sâu hoặc theo chiều rộng, theo không gian hoặc theo thời gian. Giới hạn theo chiều sâu văn hóa được hiểu là những giá trị tinh hoa của nó: nếp sống văn hóa, văn hóa nghệ thuật. Giới hạn theo chiều rộng văn hóa được dùng để chỉ những giá trị: văn hóa giao tiếp, văn hóa kinh doanh. Giới hạn theo không gian văn hóa được dùng để chỉ những đặc thù của từng vùng: văn hóa Tây Nguyên, văn hóa, văn hóa Nam Bộ. Giới hạn theo thời gian văn hóa được dùng để chỉ những giá trị trong từng giai đoạn: văn hóa Hòa Bình, văn hóa Đông Sơn.

Theo nghĩa rộng thường được xem là bao gồm tất cả những gì do con người sáng tạo ra. Năm 1940, Hồ Chí Minh đã viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó chính là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh

ra nhằm thích ứng những nhu cầu của đời sống và những đòi hỏi của sự sinh tồn”. Federico Mayor, Tổng giám đốc UNESCO cho biết: “Đối với một số người, văn hóa chỉ bao gồm những kiệt tác tuyệt vời trong các lĩnh vực tư duy và sáng tạo; đối với những người khác, văn hóa bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống và lao động”. Cách hiểu thứ hai này đã được cộng đồng quốc tế chấp nhận tại Hội nghị liên chính phủ về các chính sách văn hóa họp năm 1970 tại Vennise.

Văn hoá là khái niệm mang nội hàm rộng với rất nhiều cách hiểu khác nhau, liên quan đến mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của con người.

Nghĩa ban đầu của văn hoá trong tiếng Hán là những nét xăm mình qua đó người khác nhìn vào để nhận biết và phân biệt mình với người khác, biểu thị sự quy nhập vào thần linh và các lực lượng bí ẩn của thiên nhiên, chiếm lĩnh quyền lực siêu nhiên. Theo bộ Từ Hải (bản năm 1989) thì văn hoá vốn là một cách biểu thị chung của hai khái niệm văn trị giáo hoá.[7;15]

Theo ngôn ngữ phương Tây, từ tương ứng với văn hoá của tiếng Việt (culture trong tiếng Anh và tiếng Pháp, kultur trong tiếng Đức,..)

Trong cuộc sống hàng ngày văn hoá thường được hiểu là văn học, nghệ thuật như thơ ca, mỹ thuật, sân khấu điện ảnh... Một cách hiểu thông thường khác văn hoá là cách sống bao gồm phong cách ẩm thực, trang phục, cư xử và cả đức tin, tri thức được tiếp nhận... Vì thế chúng ta nói một người nào đó có văn hoá cao, văn hoá thấp, vô văn hoá, có văn hoá.

Văn hoá là tất cả những gì do con người sáng tạo nên và mang dấu ấn con người. Văn hoá với tư cách là tổng thể các dấu hiệu tinh thần vật chất trí tuệ tình cảm đặc biệt, xác định tính cách của một xã hội hay một nhóm xã hội. Nó bao hàm không chỉ các nghệ thuật, khoa học mà còn cả lối sống, các quyền cơ bản của sự tồn tại nhân sinh những hệ thống giá trị truyền thống.

1.1.3. Mối quan hệ giữa văn hoá và du lịch

1.1.3.1. Tác động của du lịch tới văn hoá

Một trong những động cơ khiến con người đi du lịch là để tìm kiếm những điều mới lạ, mở rộng sự hiểu biết của bản thân mình. Hiển nhiên du lịch kể từ khi nó hình thành có sự gắn kết chặt chẽ với văn hóa bởi văn hóa giữa các vùng miền, giữa các khu vực là không giống nhau, luôn khơi gợi sự tò mò, kích thích sự khám phá. Như vậy du lịch được coi như hành vi thỏa mãn văn hóa và hình thành nên loại hình “du lịch văn hóa”. Trong quá trình phát triển, hoạt động du lịch được coi là một hiện tượng xã hội và bản thân nó sản sinh ra những đặc thù văn hóa trong hành vi ứng xử của những con người tham gia hoạt động du lịch. Để hiểu sự gắn kết giữa văn hóa và du lịch phải xét đến cả hai chiều tác động trên, với cả mặt tích cực và tiêu cực của nó.

1.1.3.2. Tác động tích cực

Trước tiên, du lịch là ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt. Bên cạnh tài nguyên du lịch tự nhiên là tài nguyên du lịch văn hóa. Bởi vậy mà lâu nay cụm từ “du lịch văn hóa” hình thành như một loại hình du lịch mà điểm đến là những nơi chứa đựng giá trị văn hóa lâu đời như những công trình kiến trúc nghệ thuật, phong tục tập quán, tôn giáo tín ngưỡng, ẩm thực, lễ hội,...

Một trong những chức năng của du lịch là giao lưu văn hoá giữa các cộng đồng dân cư. Khi đi du lịch du khách luôn muốn thâm nhập vào các hoạt động văn hoá của địa phương, tạo ra quá trình giao lưu tiếp xúc giữa các cá thể, các địa phương, các cộng đồng. Quá trình giao tiếp này là môi trường để ảnh hưởng tích cực thâm nhập vào xã hội, cộng đồng một cách nhanh chóng, nhờ sự thâm nhập này mà các nền văn hoá có điều kiện tiếp xúc với những cái mới để tạo nên một nền văn hoá đa dạng nhưng vẫn đậm đà bản sắc dân tộc.

Du lịch kể từ khi hình thành đã được coi là “sự mở rộng không gian văn hóa của con người” (Nguyễn Khắc Viện). Con người ở những nền văn hóa khác nhau có nhu cầu di chuyển để tìm kiếm, trao đổi, học hỏi những cái mới lạ, trau

dồi những cái tốt, bổ sung những cái thiếu, làm giàu vốn tri thức của mình sau khi những giá trị vật chất đã được thỏa mãn.

Nhờ có hoạt động du lịch mà giá trị của sản phẩm văn hóa được mở rộng. Nếu không có du lịch, sản phẩm văn hóa chỉ đơn thuần có giá trị lịch sử, nghệ thuật hay khoa học không thể đóng góp một giá trị kinh tế nhất định cho nền kinh tế quốc dân. Một tác động tích cực nữa của hoạt động du lịch mà không thể không kể đến là bảo tồn, duy trì lâu bền những giá trị văn hóa đang dần mai một hoặc bị phá hủy bởi thời gian, bởi sự lãng quên của người dân bản địa. Minh chứng rõ ràng rằng hàng năm chính quyền các cấp luôn dành một khoản kinh phí lớn hay nhỏ cho việc trùng tu, tôn tạo chùa chiền, các công trình điêu khắc, mỹ thuật,... tùy theo sức hấp dẫn du khách của điểm đến.

1.1.3.3. Tác động tiêu cực

Tuy nhiên, hoạt động du lịch cũng mang đến những tác động tiêu cực đối với nền văn hóa. Trước tiên, du lịch thâm nhập vào cộng đồng làm thương mại hóa những giá trị văn hóa bản địa thuần túy. Bản chất của hoạt động du lịch là giao lưu, tiếp xúc giữa các cá thể, giữa cộng đồng dân cư. Chính sự giao lưu tiếp xúc này vừa là môi trường thuận lợi để tiếp thu cái hay cái đẹp vừa là môi trường để các ảnh hưởng tiêu cực xâm nhập vào xã hội như nạn mại dâm, cờ bạc, mê tín dị đoan...

Chính du lịch ảnh hưởng đến lối sống của một bộ phận dân địa phương, làm mai một đi những giá trị văn hóa trong tâm thức họ. Khi đón khách ở những quốc gia có khả năng chi trả cao những người dân bản xứ, đặc biệt là giới trẻ ngày càng có biểu hiện chối bỏ truyền thống và chạy theo mốt du khách.

Hiện tượng thương mại hoá, các hoạt động lừa đảo, chèo kéo, gây tâm lý lo lắng cho du khách làm giảm lượng khách đến lần sau. Vào mùa vụ du lịch do lượng khách kéo đến đông gây mất hiện tượng cân bằng sinh thái dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường, quá tải các nguồn tài nguyên: điện, nước,...

Để thoả mãn nhu cầu của khách, vì lợi ích kinh tế to lớn trước mắt nên các hoạt động văn hoá diễn ra một cách thiếu tự nhiên, thiếu chuyên nghiệp hoặc

mang ra làm trò cười cho du khách. Các giá trị truyền thống dần dần bị lu mờ do sự thiếu hiểu biết của người tổ chức và cả người tham dự.

Hiện tại vấn đề bản sắc văn hóa chưa được quan tâm đúng mức. Các sản phẩm du lịch không còn giữ nguyên bản sắc vốn có của nó mà đã bị chế tác, pha tạp, lai căng, làm giả tràn lan trên thị trường du lịch. Những hành động đó đã làm méo mó giá trị chân thực của truyền thống làm sai lệch hình ảnh của một nền văn hoá bản địa.

Do sự quá tải vào mùa du lịch thêm vào đó là sự thiếu hụt nguồn nhân lực dẫn đến sự phục vụ không chu đáo làm cho cả du khách và người làm du lịch đều có thái độ mệt mỏi, khó chịu, mất lịch sự.

Tóm lại, mặc dù hoạt động du lịch hiện nay đang có những tác động rất lớn đến các thành tựu văn hóa dân tộc song không thể không khẳng định lại sự gắn kết chặt chẽ của du lịch với văn hóa. Du lịch hình thành dựa trên những giá trị văn hóa và chính những sản phẩm văn hóa làm cho hoạt động du lịch phát triển.

Bất cứ một hiện tượng nào trong xã hội đều có khía cạnh văn hóa của nó nhưng đối với hoạt động du lịch, văn hóa vừa là tài nguyên vừa là biện pháp, cách thức làm ra lợi nhuận. Cho nên mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa luôn luôn là sự gắn kết vô cùng chặt chẽ. Trong bất cứ một quốc gia lãnh thổ, ở bất kỳ một khoảng thời gian nào cũng cần xem xét mối quan hệ này để thiết lập những giá trị bền vững trong kinh doanh, đặc biệt là kinh doanh du lịch.

1.2. Một số vấn đề về di tích lịch sử văn hoá

1.2.1. Khái niệm di tích lịch sử văn hoá

Di tích lịch sử văn hoá là những không gian vật chất cụ thể, khách quan trong đó chứa đựng các giá trị điển hình, lịch sử do tập thể hoặc cá nhân con người sáng tạo ra trong lịch sử để lại.

Di tích lịch sử văn hoá chứa đựng nhiều nội dung lịch sử khác nhau. Mỗi di tích có nội dung, giá trị văn hoá, lượng thông tin riêng biệt khác nhau. Cần

phải phân biệt các di tích khác nhau để xác định tên gọi đúng với nội dung của nó và khai thác, sử dụng và bảo vệ các di tích một cách có hiệu quả.

Di tích lịch sử văn hoá là tài sản của văn hoá quý báu của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi nước. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng giá trị, văn hoá nghệ thuật của mỗi quốc gia. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc, mỗi đất nước, là biểu tượng chói ngời trong kho tàng văn hoá dân tộc và nhân loại.

Mỗi quốc gia đều có những quan niệm về những di tích lịch sử văn hoá. Để các quan niệm được thống nhất với nhau thì cần có những quy định chung như sau:

- Di tích lịch sử văn hoá là những nơi ẩn dấu một bộ phận giá trị văn hoá khảo cổ.
- Những địa điểm khung cảnh ghi dấu về dân tộc học.
- Những nơi diễn ra những sự kiện chính trị quan trọng có ý nghĩa thúc đẩy lịch sử đất nước, lịch sử địa phương phát triển.
- Những địa điểm ghi dấu chiến công chống xâm lược, áp bức.

Phân loại di tích lịch sử văn hoá

- Di tích khảo cổ: là những địa điểm ẩn dấu một bộ phận giá trị văn hoá, thuộc về thời kì lịch sử xã hội loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại.

Đa số di tích văn hoá khảo cổ nằm trong lòng đất, cũng có trường hợp tồn tại trên mặt đất như bức trạm khắc trên vách đá...

Di tích văn hoá khảo cổ còn gọi là di chỉ khảo cổ, nó được phân thành di chỉ cư trú (hang, động, thành lũy...) và di chỉ mộ tang.

- Loại hình di tích lịch sử bao gồm:
 - + Di tích ghi dấu về dân tộc học.

+ Di tích ghi dấu sự kiện chính trị quan trọng, tiêu biểu, có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của đất nước, của địa phương.

+ Di tích ghi dấu chiến công xếp loại.

+ Di tích ghi dấu những kỉ niệm.

+ Di tích ghi dấu sự vinh quang trong lao động.

+ Di tích ghi dấu tội ác và phong kiến.

- Loại hình di tích văn hoá nghệ thuật: Là di tích gắn với công trình kiến trúc có giá trị nên còn gọi là di tích kiến trúc nghệ thuật. Những di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hoá xã hội, văn hoá tinh thần.

- Các danh lam thắng cảnh: Là những giá trị văn hoá do thiên nhiên ban cho. Các danh lam thắng cảnh không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên, bao la hùng vĩ, thoáng đãng mà còn có giá trị nhân văn do bàn tay, khối óc của con người tạo dựng nên. Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích lịch sử văn hoá và vì vậy nó có giá trị quan trọng đối với hoạt động du lịch.

1.2.2. Vai trò của di tích lịch sử văn hoá trong hoạt động du lịch.

Di tích lịch sử văn hoá là bằng chứng xác thực nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Nó chứa đựng những gì tốt đẹp nhất về truyền thống văn hoá về tinh hoa của mỗi quốc gia. Là tài nguyên quan trọng trong việc phát triển du lịch cũng như góp phần phát triển kinh tế địa phương.

- Di tích lịch sử văn hoá là không gian văn hoá cho nhân dân trong những dịp sinh hoạt lễ hội truyền thống của địa phương.

- Là địa điểm tham quan, tìm hiểu và nghiên cứu khoa học của du khách.

1.3. Một số vấn đề về Lễ hội

1.3.1. Khái niệm Lễ hội

Lễ hội là một loại hình sinh hoạt văn hoá cổ truyền của các dân tộc trên đất nước ta và các nước khác trên thế giới.

Theo từ điển Hán Việt: “Lễ là quy tắc ứng xử, cách thức cúng tế, nghi thức tôn giáo. “Hội” là cuộc vui, đám vui đông người.

Theo từ La Tinh “Festum” là sự vui chơi, vui mừng của công chúng.

Theo tiếng Anh “Festival” là một loại diễn xướng thu hoạch một mùa vụ đặc biệt, một khoảng thời gian của một hoạt động có tính linh thiêng hoặc kế tục.

Alessandro Falassi nhận định rằng: “Lễ hội là một hoạt động kỉ niệm định kì biểu thị thế giới quan của một nền văn hoá hay nhóm xã hội thông qua hành lễ diễn xướng nghi lễ và trò chơi truyền thống”

Còn theo nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh thì cho rằng: “Lễ hội là một hiện tượng văn hoá dân gian tổng thể được hình thành trên cơ sở một nghi lễ tín ngưỡng nào đó được tiến hành theo định kỳ mang tính cộng đồng làng.

Hay “Lễ hội là cuộc vui chung có tổ chức, có các hoạt động nghi lễ mang tính văn hoá truyền thống” là nhận định của Hoàng Phê.

Như vậy đã có rất nhiều những khái niệm, định nghĩa về lễ hội khác nhau nhưng đúc rút lại thì sau đây là khái niệm chung nhất về Lễ hội: Lễ hội là một hệ thống sinh hoạt văn hoá, tôn giáo, nghệ thuật của một cộng đồng người gắn liền với các nghi thức đặc thù và cuộc vui chung nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của con người.

1.3.2. Phân loại lễ hội

Có rất nhiều cách để phân loại lễ hội nhưng phổ biến nhất là phân loại lễ hội theo lễ hội truyền thống và lễ hội hiện đại.

Lễ hội truyền thống bao gồm lễ hội dân gian và lễ hội cung đình.

Lễ hội hiện đại xuất hiện từ sau năm 1945, khác với Lễ hội truyền thống thì Lễ hội hiện đại lấy thời gian tổ chức theo định kỳ trong năm hoặc theo năm chẵn, năm lẻ và theo năm dương lịch.

- Lễ hội hiện đại ít có tính mùa vụ hơn Lễ hội truyền thống vì thế mà thường diễn ra trong thời gian ngắn ngoài trời: các hội chợ xuân, hội chợ triển lãm, liên hoan du lịch...

- Không gian tổ chức của Lễ hội là tại các trung tâm đô thị lớn nên ít mang tính địa phương chủ nghĩa.

- Nếu như Lễ hội truyền thống còn nặng về phần Lễ thì Lễ hội hiện đại bổ sung thêm nhiều hoạt động mang tính chính trị, kinh tế, mang hơi thở thời đại.

1.3.3. Cấu trúc của lễ hội truyền thống

Cấu trúc của Lễ hội truyền thống gồm hai phần là phần Lễ và phần Hội:

Lễ trong lễ hội là một hệ thống hành vi, động tác mang tính chất tâm linh nhằm biểu hiện lòng tôn kính, tạ ơn và cầu xin thần linh phù hộ và bảo trợ cho cuộc sống của con người.

Hội là cuộc vui được tổ chức chung cho đông đảo người tham dự theo phong tục hay nhân dịp đặc biệt đem lại lợi ích tinh thần cho các thành viên trong cộng đồng và có nhiều trò vui.

Lễ và hội là một thể thống nhất không thể chia tách, Lễ là nội dung, Hội là hình thức, Lễ là phần đạo, Hội là phần đời, Lễ là cộng mệnh, Hội là cộng cảm. Hội gắn liền với Lễ và chịu sự quy định nhất định của Lễ

1.3.4. Tác động qua lại giữa Lễ hội và du lịch

Lễ hội và du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong lễ hội có du lịch và lễ hội là tài nguyên của du lịch. Lễ hội ra đời và phát triển không vì mục đích du lịch nhưng lại mang tính du lịch rất rõ nét. Chính vì vậy mà giữa lễ hội và du lịch có những tác động qua lại, tương hỗ với nhau.

1.3.4.1. Tác động tích cực

** Tác động tích cực của lễ hội đến du lịch*

Du lịch là ngành có định hướng tài nguyên khá rõ nét và lễ hội là một trong những tài nguyên nhân văn quan trọng và là sản phẩm du lịch đặc sắc, phong phú, tiềm năng.

Lễ hội là phương tiện phổ biến văn hoá địa phương ra phạm vi quốc gia, quốc tế, quảng bá giới thiệu hình ảnh địa phương.

** Tác động tích cực của du lịch đến lễ hội.*

- Từ việc tổ chức lễ hội đã tạo kinh phí để tu bổ di tích, đầu tư cho lễ hội, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch địa phương.

- Tạo công ăn việc làm, thu nhập cho công đồng dân cư địa phương, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, đóng góp vào ngân sách chung của đất nước.

- Đem đến cho lễ hội sắc thái mới, sức sống mới, tạo cho lễ hội môi trường để thể hiện, phô diễn giá trị.

- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống, nâng cao lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức giữ gìn văn hoá phi vật thể của người dân.

- Thúc đẩy giao lưu văn hoá, xoá bỏ sự phân biệt văn hoá, là phương tiện quảng bá hình ảnh của đất nước, con người Việt Nam.

1.3.4.2. Tác động tiêu cực

** Tác động tiêu cực của lễ hội đến du lịch*

Ngày nay xuất hiện rất nhiều các lễ hội mà không được phê duyệt, không phải là lễ hội truyền thống mà với mục đích lợi nhuận là chính. Vì vậy mà việc tổ chức lễ hội không có sự quan tâm, đầu tư của các cấp các ngành dẫn đến tình trạng tổ chức lễ hội ồ ạt, thiếu chọn lọc ảnh hưởng đến việc kinh doanh du lịch, đến hình ảnh, thương hiệu. Thực chất của việc tổ chức lễ hội là sự kích bản hoá, mô phỏng, bắt chước các lễ hội truyền thống của dân tộc.

Cũng chính vì lý do trên đã gây khó khăn trong việc tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng để hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Tất cả lễ hội đều chung một mô típ quen thuộc do sự bắt trước, sao chép mà không có gì đặc sắc để tạo ấn tượng với khách.

** Tác động tiêu cực của du lịch đến lễ hội*

- Lễ hội thường mang tính mùa vụ nên hiện tượng quá tải do lượng khách quá đông sẽ không tránh khỏi những vấn nạn như ô nhiễm môi trường, sự thiếu ý thức của khách tham gia lễ hội.

- Hiện tượng thương mại hoá lễ hội ngày càng phổ biến làm lễ hội cổ truyền bị biến tướng, thay đổi về bản chất, mất đi giá trị nhân văn.

1.4. Khái quát về Nữ tướng Lê Chân- Nhân vật được tôn thờ của di tích và lễ hội Đền Nghè

1.4.1. Bối cảnh lịch sử

1.4.1.1. Việt Nam và Hải Phòng những năm đầu công nguyên

Sau khi chiếm được nước Âu Lạc của An Dương Vương Thục Phán, Triệu Đà sát nhập Âu Lạc vào Nam Việt và chia thành các quận Giao Chỉ và Cửu Chân. Tuy đã chiếm được Âu Lạc, nhưng Triệu Đà vẫn chưa xóa bỏ được sự ảnh hưởng của Lạc tướng, Lạc hầu và tập quán cũ của dân Việt đã hình thành dưới thời Hùng Vương và Thục Phán.

Năm 111 (Tr. CN), nhà Hán cử tướng Lộ Bác Đức dẫn 10 vạn quân xuống chinh phục phương Nam, nhà Triệu bị diệt. Nhà Hán đô hộ, chia nước ta thành 9 quận là: Đạm Nhĩ, Chu Nhai, Nam Hải, Hợp Phố, Uất Lâm, Thương Ngô, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (một số quận nằm trong địa phận Trung Quốc hiện nay. Cho đến đầu Công nguyên, xã hội Việt Nam vẫn là thời kỳ tồn tại của nền văn hóa Đông Sơn với mô hình kinh tế lúa nước là chủ yếu. bên cạnh nền văn hóa bản địa vốn hình thành từ thời Hùng Vương, những yếu tố ngoại lai từ phương Bắc đã xâm nhập vào Việt Nam dưới hình thức ôn hòa thể hiện qua việc qua việc người Hán di dân xuống vùng Giao Chỉ làm ăn sinh sống, qua giao lưu kinh tế,...và hình thức cưỡng bức thông qua bọn quan lại với các biện pháp hành chính, quân sự,...

Năm thứ 8 (sau CN), ở Trung Quốc, Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, lập ra triều Tân. Năm 23, nhà Đông Hán xóa bỏ triều Tân nên đã có điều kiện mở rộng bành trướng thế lực ra bên ngoài. Lúc này, mức độ bành trướng của nhà Hán càng trở nên mạnh mẽ. ở Giao Chỉ, một số viên Thái thú cai trị còn mở trường lớp truyền bá văn hóa Hán, buộc người Việt phải tuân theo lễ nghĩa thiên triều, việc lấy vợ, gả chồng, canh tác snoong nghiệp cũng phải theo người Hán...mức độ bóc lột và vơ vét của cải cũng tăng lên gấp bội, ngoài việc bắt dân

ta phải cống nạp nhiều của quý vật lạ, nhà Hán còn bóc lột tô thuế nặng nề, chiếm đất đai.

Năm 34 (Sau CN), Tô Định thay Tích Quang sang làm Thái thú Giao Chỉ lại càng tỏ ra tham lam hơn. Tô Định ra sức vơ vét thuế khóa, khổng chế, chèn ép các Lạc tướng và con cháu họ khiến cả quý tộc bản địa và nhân dân đều căm phẫn. Tình hình đó đã khiến cho các cuộc khởi nghĩa có nguy cơ bùng nổ, trong đó tiêu biểu là khởi nghĩa của Hai Bà Trưng.

Nằm trong bối cảnh lịch sử đó, theo các cổ thư thì vùng đất Hải Phòng thời Hùng Vương thuộc đất bộ Dương Tuyền, đầu Công nguyên thuộc đất của huyện An Định, quận Giao Chỉ. Theo sách *Tiền Hán thư* (phần Địa lý chí) chép: “10 huyện Giao Chỉ gồm: LiênThụ, An Định, Câu Lậu, My Linh, Khúc Dương, Bắc Đái, Kê Từ, Tây Vũ, Long Biên, Chu Diên”; trong sách *Sử học bị khảo* (Đặng Xuân Bảng) chú: “Các huyện Long Biên, Khúc Dương, Câu Lậu, AN Định có lẽ ở vào quãng Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Yên (nay là QUẢNG Ninh)...cùng đất phủ Trấn An, Tư Thành, Tư Ân, Khánh Viên, Thái Bình, Tư Minh, Điền Châu thuộc vào Quảng Tây...” trong *Đất nước Việt Nam qua các đời*, học giả Đào Duy Anh xác minh thêm: “Huyện An Định phải nằm phía nam Liên Lâu, có thể là tương đương với miền Hải Dương, Hưng Yên, ở giữa sông Hồng và sông Thái Bình...”

Như vậy, Hải Phòng vào đầu Công nguyên nằm ở phía Đông nam quận Giao Chỉ thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, nơi tiếp giáp giữa những cửa sông lớn và biển Vịnh Bắc Bộ...

1.4.1.2. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng

Năm Giáp Ngọ niên hiệu Kiến Vũ thứ 10 (năm 34 sau CN), Hán Quang Vũ sai Tô Định sang làm Thái thú quận Giao Chỉ. Tô Định là người tham lam, bạo ngược, thi hành luật lệ hà khắc nên dân ta vô cùng oán giận, *Đông Hán ký* mô tả y: “*thấy tiền thì giương mắt lên*”...Theo *Quốc sử tiểu học lược biên* có chép: “Thi Sách là chồng Trưng Trắc làm quan lệnh ở Dương Tuyền mưu giết Tô Định, việc tiết lộ nên bị Định giết.

Khi đó mẹ vợ Thi Sách là Trần Thị Đoan, tức Man Thiện, cháu ngoại của Lạc Vương đã chiêu tập binh mã định dựng cờ khởi nghĩa. Thi Sách thất Tô Thái thú không thèm để ý đến lời nói của mình cũng mộ quân hưởng ứng cùng nhạc mẫu.

Tô Định không tha gì gia quyến, họ hàng người “ nổi loạn” chống hấn. Nên đã đem quân đến đàn áp Thi Sách và một số tướng lĩnh bị giết năm Kỷ Hợi (39). Tô Định đã mở rộng đàn áp cuộc khởi nghĩa này. Họạ chu di đã gần kề nên chị em Trưng Trắc chiêu mộ anh tài bốn phương phát cờ khởi nghĩa, dân Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố...đều hưởng ứng. nghĩa quân hạ được 65 thành trì, Tô Định phải chạy trốn về nước. Cuộc khởi nghĩa có quy mô rộng khắp, mang tính đồng khởi đã giành thắng lợi nhanh chóng, vang dội thể hiện tinh thần dân tộc, ý chí quật cường của nhân dân Lạc Việt.

Sau khi giành lại đất nước, Trưng Trắc lên làm vua, đóng đô ở Mê Linh. Sử gia không ghi việc Hai Bà ban hành chính lệnh mới...Nhưng tất phải có vì vua phải có người giúp việc ở trong triều, ngoài trấn, quân đội cũng phải được chấn chỉnh sắp xếp tập luyện, chính sách thuế khóa giao dịch phải đặt để yên long dân đã theo. Hai Bà chống bọn đô hộ tham tàn, hà khắc. Có lẽ vì thế nên các nhà sử học đều đánh giá cao sự kiện lịch sử này:

Đô kỳ đóng cõi Mê Linh

Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta.

(Đại Nam quốc sử diễn ca).

Nói về cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, sử gia Lê Văn Hưu (thế kỷ XI – XII) nhận xét: “ Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương.”.

Năm Tân Sửu (năm 41 Sau CN), vua Hán Quang Vũ lại phong Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Lưu Long làm Phó tướng, Đoàn Chí làm Lâu Thuyền tướng quân đem quân thủy bộ rầm rộ sang đánh Trưng Vương. Vua Hán còn sai

các quận Trường Sa, Hợp Phố sắm sửa xe, thuyền, sửa chữa cầu đường, khai thông khe nước, tích chứa lương ăn phục vụ cho đội quân của Mã Viện. Quân đội của nhà Hán gồm 8.000 quân lấy từ các quận Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng, 12.000 bquaan lấy ở bộ Giao Chỉ. Tổng cộng 2 vạn người cùng 2000 thuyền xe. Đội quân này gồm toàn người Hoa Nam, lại dưới sự chỉ huy của mã Viện, viên tướng giàu kinh nghiệm chiến trận chinh di.

Quân Mã Viện chia thành 2 đạo thủy – bộ, dự tính hội quân ở Hợp Phố (Trung Quốc) để tiến đánh. Tuy nhiên, khi đến Hợp Phố thì Đoàn Chí chết vì bệnh nên Mã Viện thống suất toàn quân tiến theo đường ven biển, ngược sông Bạch Đằng tới sông Lục Đầu rồi vào đất Giao Chỉ thẳng tới Lãng Bạc.

Quân Hán tiến đến Long Biên, Tây Vu và Lãng Bạc ở phía đông Cổ Loa. Hai Bà Trưng từ Mê Linh qua Cổ Loa xuống Lãng Bạc đón đánh quân Hán. Tại đây, hai bên đã giao chiến dữ dội. Trận đầu, quân Hán không hợp thủy thổ phương Nam, nhiều người bị chết, trong đó có Bình Lục hầu Hàn Vũ.

Giao chiến lâu ngày, quân Hai Bà Trưng vì thiếu trang bị và kinh nghiệm, không địch nổi đạo quân thiện chiến của Mã Viện. Tháng 3 âm lịch (khoảng tháng 4 năm 43, sau CN), quân Việt bại trận. Sau trận Lãng Bạc, Trưng Vương phải thu quân về giữ Cổ Loa, một thời gian lại lui về Mê Linh, sau đó chạy sang Cẩm Khê.

Tại Cẩm Khê, quân của Hai Bà tiếp tục chiến đấu nhưng bị đánh bại. Theo truyền thuyết dân gian, Hai Bà chạy đến sông Hát thì cùng đường bèn nhảy xuống sông tuẫn tiết.

Thời điểm Hai Bà mất được *Hán thư* ghi tháng 4 âm lịch, tức là tháng 5 Dương lịch (năm 43). Theo truyền thuyết dân gian Việt Nam, Hai Bà tự vẫn vào ngày 8 tháng 3, về sau nhân dân lấy ngày này làm Ngày hội Hát Môn.

Sau khi chủ tướng hy sinh, một bộ phận nghĩa quân do Nữ tướng Lê Chân, Đô Dương lãnh đạo rút về phía Nam, lập phòng tuyến để chống giặc. Mã Viện tiếp tục tấn công phá vỡ phòng tuyến, quân Trưng rút tiếp về quận Cửu Chân. Quân Hán truy kích. Trận giao chiến ở huyện Cư Phong quân ta lại thua,

nhiều quân tướng bị sát hại, bị bắt. Mã Viện bình định được Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam.

Bàn về tinh thần của cuộc khởi nghĩa của Trưng Trắc, Vua Tự Đức viết trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*: “ Hai Bà Trưng thuộc phái quần thoa, thế mà hăng hái quyết tâm khởi nghĩa, làm chấn động cả triều đình nhà Hán. Dầu rằng thế lực cô đơn, không gặp thời thế, nhưng cũng đủ làm phấn khởi lòng người, lưu danh sử sách...”

1.4.2. Cuộc đời và sự nghiệp của Nữ tướng Lê Chân

1.4.2.1. Thân thế và cuộc đời của Nữ tướng Lê Chân

Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng được sử sách ghi chép lại không nhiều, nhưng sự tích về cuộc khởi nghĩa và các vị tướng chiến đấu cùng Hai Bà được nhân dân truyền tụng. Sự tích về Nữ tướng Lê Chân không những được nhân dân Hải Phòng và nhân dân các vùng ven biển ghi nhớ mà thân thế và sự nghiệp của Bà còn được ghi lại trong thần phả, thần tích, bia ký lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác đến ngày nay...

Nữ tướng Lê Chân nguyên quán ở xã An Biên, huyện Đông Triều, phủ Kinh Môn, xứ Hải Dương (nay là xã Thủy An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh). Bà sinh vào khoảng đầu Công nguyên, cha là ông Lê Đạo, mẹ là bà Trần Thị Châu. Gia đình chuyên nghề dạy học, làm thuốc, dốc lòng làm việc thiện, chỉ hiếm nỗi ông bà tuổi đã cao mà chưa có con nên rất lo lắng.

Một hôm, hai vợ chồng thành tâm biện sửa lễ vật lên đình non Yên Tử làm lễ cầu tự. Đêm ấy, ông Lê Đạo nằm mơ thấy có hai vị thiên sứ, một vị mặc áo xanh, tay cầm kim mâu, một vị mặc áo tía tay cầm bảo kiếm dẫn ông lên Thiên cung. Ông bàng hoàng, kinh sợ vội sụp lạy trước một vị đại quan ngồi trong điện, đầu đội mũ bách tinh, mình mặc áo bào vàng; bên trái, bên phải mỗi bên có 1 vị quan tay cầm giấy bút. Ông Đạo văng vẳng nghe thấy lời truyền bảo:

“ Nhà ngươi làm việc thiện tiếng đến Thiên đình, Ngọc Hoàng ban phúc cho tiên thánh giáng trần đầu thai làm con nhà ngươi, ngày sau làm nên nghiệp

lớn làm rạn vỡ gia đình, không bậc nam nhi nào sánh kịp”. Bỗng chuông, trống chối tai làm ông chợt tỉnh, biết là nằm mơ.

Vào một buổi sáng sớm tinh mơ, bà Châu ra ngoài ấp thấy vết chân lớn, thấy lạ bèn đưa chân ướm thử, thấy người xúc động rồi mang thai. Ngày mồng 8 tháng 2, sau 12 tháng mang thai, bà sinh được một nhi nữ má phấn môi son, dung mạo khác thường...nhân có ướm chân mà đặt tên là Chân.

Ngày tháng trôi qua, Lê Chân lớn lên, tuổi vừa đôi tám, thông minh hơn người, độ lượng khác thường, cầm thi cung kiếm đều thạo, mọi người đều cho là bậc trai lạ trong giới nữ lưu. Đến tuổi 20, tài sắc vượt trội, khắp nơi nức tiếng, mỗi manh tấp nập, nhưng nàng đều từ tạ, gác bỏ ngoài tai những lời ong bướm. Lúc ấy, đương buổi đất nước bị ngoại bang thống trị. Viên Thái thú Tô Định nghe tiếng nàng, muốn cưỡng ép lấy, nàng không nghe. Qua ba bốn phen bị từ chối, Tô Định oán giận sát hại cha nàng.

Sau khi cha bị sát hại nàng ôm mối thù cha, tìm phương rửa hận, thề không đội trời chung với Tô Định. Từ vùng thượng lưu, nàng tụ tập dân quê lánh đến vùng hạ lưu nơi những con sông lớn đổ ra biển để khai phá đất đai sinh cơ, lập nghiệp. Sau khi đi thị sát, nàng phát hiện ở vùng ven biển có nhiều sông rạch lớn tạo thành các đường thủy nối liền, lòng mừng thầm, nghĩ được trời ban cho nơi che chở. Bèn trở về quê chiêu mộ thêm họ hàng, cấp cho lương thực, nông cụ đến nơi đất mới khai khẩn, cấy trồng... qua 3 năm dựng thành một ấp, nhớ quê cũ, nàng bèn lấy tên quê gốc để đặt cho vùng đất mới: trang An Biên, lại mở một chợ ở bên sông để tiện việc mua bán. Nàng thu nạp những người trốn tránh vì có thù với giặc hoặc không đường sinh sống. Nhưng nghĩ mình là thân gái, chưa biết mưu tính thế nào thì may sao cơ trời giúp đỡ, nhân dân nổi loạn chống bọn tham tàn.

Lúc ấy ở đạo Sơn Tây có một người con gái thuộc dòng dõi Hùng Vương tên là Trưng Trắc, căm giận Tô Định giết chồng là Thi Sách, nên cùng em là Trưng Nhị phát hịch kêu gọi anh tài khắp nơi khởi nghĩa giết Tô Định. Lê Chân được tin, lập tức mộ được hơn 100 thanh niên trai tráng ở An Biên làm quân

thân tín, kéo về Sơn Tây. Trưng Trắc thấy nàng diện mạo khác thường, có chí khí bậc tài trai, nên rất ưng ý. Ngay hôm ấy phong là Thánh Chân Công chúa, đem quân cùng Bình Khôi công chúa Trưng Nhị tiến đánh Tô Định. Tô Định thua to, bỏ trốn về

Bắc quốc. Nước Nam bình định, Trưng Trắc xưng vua, khao thưởng quân sỹ, ban khen công thần. Thánh Chân Công chúa được phong là Chưởng quân binh quyền lĩnh ấn Trấn Đông Đại tướng quân, thống lĩnh đạo quân Nam Hải phòng thủ miền biên, sai đem binh mã về trang An Biên dựng đồn binh đề phòng giặc Bắc. Công chúa vâng mệnh trở về làng cũ dựng đồn. công chúa lại xuất tiền tài chuần cấp cho dân. Chỉ vài năm vùng này trở nên giàu có, nhân khang vật thịnh, ai ai cũng độ ơn sâu, kính yêu Công chúa như cha mẹ.

Sau thất bại ở Giao Chỉ, Tô Định về nước dâng biểu tâu vua Hán, Hán Quang Vũ bèn phong Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Lưu Long làm phó tướng, Đoàn Chí làm Lô Thuyền tướng quân sang đánh đất Giao Chỉ. Nghe tin Mã Viện sang xâm chiếm, Trưng Vương bèn triệu tập các vị chỉ huy các đồn sở về Kinh đô bàn kế chống giặc. Thánh Chân Công chúa nhận được chiếu, lập tức về kinh đốc sức giúp vua Trưng đánh giặc

Khi Mã Viện đem đại quân tiến vào nước ta theo đường biển, Lê Chân đã tổ chức phòng ngự ngăn quân Mã Viện từ địa đầu biên giới Đông Bắc, giao chiến 3 trận rồi mới rút dần về căn cứ Lãng Bạc: “ Để giữ vững các nơi hiểm yếu, Trưng Vương sai thánh Thiên đóng quân ở Hợp Phố phòng mạn Bắc, Đô Dương giữ Cửu Chân phòng mạn Nam, Bà Lê Chân được giao trọng trách “ Chưởng quân binh quyền nội bộ” đóng bản doanh ở Giao Chỉ”.

Sau thất bại tại Lãng Bạc, Trưng Vương biết không thể thoát bèn nhảy xuống sông Hát tự vẫn. Thánh Chân Công chúa rút về vùng núi Lạt Sơn (nay thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam) xây dựng căn cứ kháng chiến. sau khi xem xét sơn xuyên, Bà quyết định cho quân đóng ở Thung Dâu, Thung Hiên, Thung Bể, đội quân tiền phương đóng ở Mộc Bài, tổng chỉ huy đóng ở hang Diêm...Lực lượng của nghĩa quân mới bắt đầu phát triển thì Mã Viện đã kéo

đến vây hãm, đánh phá điên cuồng. tướng Lê Chân cùng các tướng sĩ quyết chiến với quân thù, song do lực lượng quá chênh lệch, căn cứ vừa mới hình thành, quân Lê Thánh Công chúa thất trận, Nữ tướng Lê Chân gieo mình xuống Giát Dầu tuần tiết, khi ấy là ngày 25 tháng Chạp.

Sau khi mất, Công chúa hiển linh báo tin cho dân làng. Truyền thuyết kể rằng: khi cuộc khởi nghĩa tan rã, Bà Lê Chân trầm mình xuống sông, lúc này ở trang An Biên (Hải Phòng), người và vật đều không yên. Ban đêm, có người mơ thấy Lê Thánh Công chúa báo mộng về: “ta vốn là Tiên nữ trên Thiên đình xuống hạ giới, nay đã hết duyên trần phải về châu Thượng đế. Thượng đế ân phong làm Thành hoàng, các người nếu mai ra bờ sông thấy vật lạ gì thì rước về mà thờ phụng”. Người ấy tỉnh mộng, sớm hôm sau cùng mọi người ra bờ sông. Hôm ấy bầu trời u ám, gió lớn mưa to, mặt nước sông cuộn cuộn chảy, rùa giải đua bơi, cá kình rẽ song... bỗng nhiên có phiến đá từ từ trôi ngược dòng nước, nhân dân các nơi thấy lạ dâng lễ quỳ lạy nhưng phiến đá không thấy vào. Dân làng An Biên trông thấy như ứng trong mộng bèn vào chợ mua sắm lễ vật cùng nhau sụp lạy. Bỗng nhiên đá từ từ trôi vài bờ, trên phiến đá có một miếu đá, trong miếu ghi dòng chữ: Thánh Chân Công chúa. Nhân dân An Biên rước về, lập đền thờ phụng.

Thế kỷ XIII, vua Trần Anh Tông đi đánh dẹp Chiêm Thành vào cướp phá hải phận nước ta. Một hôm nhà vua hành quân qua địa phận An Biên thì vừa lúc mặt trời gác núi, vua cho dừng thuyền nghỉ. Đến đêm, vua mộng thấy một thiếu nữ, xiêm áo chĩnh tề đến tâu vua rằng: “Thiếp tôi vốn là tướng của vua Trung bị giặc Hán sát hại. Sau khi mất, Thượng đế ân phong ban cho làm phúc thần xứ này. Nay hoàng đế ra quân dẹp giặc, thiếp tôi nguyện xin âm phù vận nước, giúp đỡ ba quân, đợi tin chiến thắng, thần thiếp cũng rửa được hận cũ”. Nhà vua tỉnh giấc, ghi vào kim chương để xem ứng nghiệm ra sao. Đến khi tiến quân thuyền trôi như bay, đến thẳng đất Chiêm giao chiến, quân Chiêm thua to, chạy tan tác. Dẹp yên giặc dã, vua đem quân về triều xét công ban thưởng tướng sĩ, gia phong các thần đã âm phù, ban sắc cho Thánh Chân Công chúa mỹ hiệu là Nam Hải uy

linh, sai rước sắc về xã An Biên, huyện An Dương làm lễ, cấp cho xã An Biên 100 quan tiền để sửa sang đền miếu thờ tự. Từ đó về sau thường linh ứng giúp nước che chở cho dân, các triều đại về sau đều có sắc phong tặng mỹ hiệu.

Những cứ liệu trên cho ta thấy Lê Chân đã chuẩn bị lực lượng và tham gia cuộc khởi nghĩa Hai Bà trung ngay từ đầu, có nhiều công lao, do vậy giữ chức trách quan trọng trong triều đại Trung Vương và được nhân dân tôn thờ.

1.4.2.2. Những đóng góp của Nữ tướng Lê Chân

Qua cuộc đời và sự nghiệp của bà ta thấy bà tuy là phận nữ nhi nhưng lại có công lao vô cùng to lớn. Không chỉ là một nữ tướng giỏi có công trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng giành thắng lợi mà còn có công lớn trong việc khai hoang lập đất. Khi trấn ải tại An Biên, Hải phòng nữ tướng Lê Chân tiếp tục cho mở rộng trang trại vận động nhân dân khai khẩn đất hoang dọc theo sông Tam Bạc biến thành đồng lúa, nương dâu và đặt cho vùng này là An Biên trang. Tiếp nối công đức của người cha, nữ tướng Lê Chân mở lòng từ thiện cứu giúp người nghèo, khuyến khích nghề nông phát triển. Dân cư trong vùng ngày thêm đông đúc, trù phú.

Đây là một tấm gương anh hùng đáng tự hào để cho thế hệ trẻ ngày nay học tập và noi theo.

1.5. Tiểu kết chương 1

Bằng việc đưa ra những đánh giá, nhận định, khái niệm cơ bản về du lịch văn hóa chúng ta hiểu được phần nào những nội dung cơ bản về du lịch và các vấn đề có liên quan. Đây là cơ sở, nền tảng để phục vụ cho việc nghiên cứu chuyên sâu về phát triển du lịch.

Có thể nói Hải Phòng là một thành phố giàu tài nguyên du lịch nhân văn để phục vụ cho việc phát triển du lịch, sau đây bài khóa luận xin chọn một trong những tài nguyên nhân văn đó làm đề tài để nghiên cứu. Đó là di tích và lễ hội đền Nghè, một trong những điểm đến hấp dẫn của chương trình du lịch Hải Phòng. Không chỉ nghiên cứu về di tích và lễ hội mà còn biết thêm về một thời kì lịch sử hào hùng gắn liền với tên tuổi của nữ tướng Lê Chân.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG DI TÍCH VÀ LỄ HỘI ĐỀN NGHÈ

2.1. Khái quát về Hải Phòng

2.1.1. Vị trí địa lý và dân cư

Hải Phòng là thành phố ven biển, nằm phía Đông miền Duyên hải Bắc Bộ. Hải Phòng cách thủ đô Hà Nội 102 km, có tổng diện tích tự nhiên là trên 152.300 ha, chiếm 0,45% diện tích tự nhiên cả nước (số liệu thống kê năm 2001). Về ranh giới hành chính: phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh; phía Tây giáp tỉnh Hải Dương; phía Nam giáp tỉnh Thái Bình; phía Đông giáp biển Đông. Hải Phòng nằm ở vị trí giao lưu thuận lợi với các tỉnh trong nước và quốc tế thông qua hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông và đường hàng không.

Hải Phòng ngày nay bao gồm 15 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 7 quận (Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Kiến An, Hải An, Đồ Sơn, Dương Kinh), 8 huyện (An Dương, An Lão, Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo). Dân số thành phố là trên 1.837.000 người, trong đó số dân thành thị là trên 847.000 người và số dân ở nông thôn là trên 990.000 người. (theo số liệu điều tra dân số năm 2009). Mật độ dân số 1.207 người/km².

2.1.2. Kinh tế, xã hội

Nằm ở vị trí chiến lược của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ trong tam giác tăng trưởng kinh tế: Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh, Hải Phòng là đầu mối giao thông quan trọng, là cửa chính ra biển của các tỉnh thành phố phía Bắc Việt Nam. Từ hàng trăm năm nay, Hải Phòng luôn giữ vai trò là hải cảng quốc tế, là nơi tiếp nhận vận chuyển hàng hoá quốc nội và quốc tế lớn nhất Việt Nam, trong đó có thể kể tới cảng container Chùa Vẽ, cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng,...

Không chỉ phát triển về cảng biển, giao thông đường bộ, sân bay Cát Bi cũng là một cảng hàng không quan trọng của miền Bắc và là sân bay quốc tế dự phòng cho sân bay Nội Bài. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch vị trí cảng hàng không quốc tế Hải Phòng tại huyện Tiên Lãng. Do vậy, trong tương lai không xa, Hải Phòng sẽ trở thành đầu mối giao thông hàng không của miền Bắc và Bắc Trung Bộ.

Hải Phòng có hệ thống hạ tầng công nghiệp hiện đại với quy hoạch phát triển 47 khu cụm công nghiệp trong đó có hơn 30 khu cụm công nghiệp đang hoạt động hiệu quả như Khu công nghiệp Nomura, Khu công nghiệp Đình Vũ, Khu công nghiệp Đồ sơn... Hải Phòng chủ trương thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp then chốt với các sản phẩm mũi nhọn, có lợi thế cạnh tranh

Ngoài vị thế của thành phố Cảng, trung tâm kinh tế vào loại lớn nhất cả nước, Hải Phòng còn là một địa danh du lịch hấp dẫn. Đây là vùng đất có truyền thống, nơi lưu giữ nhiều giá trị lịch sử tự nhiên độc đáo. Các địa danh du lịch nổi tiếng của Hải Phòng như là Khu du lịch Đồ Sơn, Khu du lịch Cát Bà, suối nước nóng Tiên Lãng, khu di tích Núi Voi,....

Với chiến lược phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, Hải Phòng luôn cần một lực lượng lao động trẻ, năng động. Chính vì thế, hệ thống giáo dục đào tạo của Hải Phòng luôn đứng trong top đầu của cả nước, với các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề có chất lượng cao. Bên cạnh đó, hệ thống y tế gồm các bệnh viện lớn như Viện Tiệp, Phụ Sản, Nhi đồng,... cũng là thế mạnh rất lớn của Hải Phòng với đội ngũ các bác sỹ, y tá có trình độ chuyên môn cao cũng như nhiệt huyết công việc.

Với những ưu thế trên, Hải Phòng hội tụ đầy đủ các yếu tố để sớm vươn mình trở thành thành phố năng động phát triển, là trung tâm kinh tế- xã hội của cả nước.

2.1.3. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Địa hình Hải Phòng thay đổi rất đa dạng phản ánh một quá trình lịch sử địa chất lâu dài và phức tạp. Phần bắc Hải Phòng có dáng dấp của một vùng

trung du với những đồng bằng xen đồi trong khi phần phía nam thành phố lại có địa hình thấp và khá bằng phẳng của một vùng đồng bằng thuần túy nghiêng ra biển.

Hải Phòng có bờ biển dài trên 125 km, thiên nhiên đã ban tặng cho vùng đất này những bãi biển rộng và dài với bãi cát trắng mịn, nước biển trong xanh. Đó là khu du lịch Đồ Sơn với phong cảnh hữu tình, đó là vườn quốc gia Cát Bà với những loài động thực vật phong phú. Ngoài hai trung tâm du lịch hàng đầu của Hải Phòng còn có suối khoáng nóng của huyện Tiên Lãng cũng là điểm dừng chân của khá nhiều du khách.

2.1.4. Tài nguyên du lịch nhân văn

Xưa kia Hải Phòng có tên là “Hải tần phòng thủ” vì Hải Phòng là vùng cửa tiền tiêu, là phen đầu của đất nước. Với vị trí địa lý giáp biển, một vị trí quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh và bảo vệ tổ quốc. Nơi đây đã chứng kiến nhiều thăng trầm của lịch sử, văn hóa xã hội của dân tộc và đã để lại nhiều dấu ấn quan trọng qua số lượng lớn các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội độc đáo nay trở thành nguồn tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị lớn.

Những truyền thống lịch sử văn hóa với những sắc thái văn hóa đặc sắc mà người dân Hải Phòng xây dựng lên chính là tiềm năng phát triển nhiều loại hình du lịch văn hóa: du lịch tham quan, du lịch nghiên cứu, du lịch tâm linh. Nguồn tài nguyên du lịch nhân văn của Hải Phòng rất đa dạng và phong phú đó là các di tích lịch sử văn hóa: đền Nghè, Từ Lương Xâm; di tích khảo cổ: Cái Bèo và các lễ hội truyền thống: lễ hội Chọi Trâu; lễ hội đền Nghè. Nguồn tài nguyên nhân văn không chỉ đa dạng và phong phú mà mỗi một dạng tài nguyên đều chứa đựng trong đó những giá trị sâu sắc điển hình về lịch sử và văn hóa của từng vùng miền. Một trong những nguồn tài nguyên nhân văn đó là di tích lịch sử văn hóa Đền Nghè. Điểm đặc biệt làm nên sức hút đối với du khách là đền Nghè (đền thờ nữ tướng Lê Chân) gắn với truyền thuyết về một vị thần thiêng, lưu truyền huyền thoại thú vị, ý nghĩa với sự hình thành và phát triển của làng An Biên xưa, thành phố Hải Phòng ngày nay.

Một trong những điểm đến được đoàn công tác của Tổng cục Du lịch vừa tiến hành khảo sát để xây dựng hành trình “tua”, giới thiệu trong Năm du lịch quốc gia 2013 tại Hải Phòng, đó là đền Nghè. Một địa danh du lịch văn hóa tâm linh tiêu biểu của thành phố Hoa Phượng đỏ được đông đảo du khách ưa thích. Họ đến di tích lịch sử văn hóa thờ Nữ tướng Lê Chân này để tìm hiểu về vùng đất, con người Hải Phòng gắn với vị tướng giỏi của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thế kỷ thứ nhất (40 - 43). Người đã đến vùng đất ngã ba sông Tam Bạc - sông Cấm, lập ấp Văn, sau đổi là An Biên Trang, tiền thân của thành phố Hải Phòng sau này. Đền bề thế với quy mô vừa phải nhưng từ lâu trở thành một trong số những di tích lịch sử và danh thắng nổi tiếng của thành phố.

Cũng chính tại mảnh đất giàu tài nguyên này là không gian làm sống lại những giá trị lịch sử, là nơi để tưởng nhớ công lao của thế hệ trước, là địa điểm sinh hoạt văn hóa của người dân Hải Phòng. Lễ hội truyền thống Đền Nghè là nơi hội tụ những yếu tố trên. Đây cũng chính là một dạng tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị và cần được bảo tồn và phát huy.

2.2. Các công trình tưởng niệm Nữ tướng Lê Chân tại Hải Phòng

Trải qua gần 2000 năm, qua bao thăng trầm của lịch sử, các di tích thờ nữ tướng của thời đại Trưng Vương được nhân dân ta đời đời hương khói thờ phụng. Có thể nói Hải Phòng là vùng đất làm nên tên tuổi của nữ tướng Lê Chân. Chính tại nơi đây Bà đã có công trong cuộc khởi nghĩa, là người đã khai hoang lập ấp cho nhân dân. Cuộc đời của Bà phần lớn là ở vùng đất Hải Phòng và khi Bà mất đi cũng chính tại nơi đây đã xây dựng lên những công trình để thờ phụng Bà.

*** Đền An Biên – nơi thờ Thành hoàng Lê Thánh Công chúa**

Từ khu vực trung tâm thành phố Hải Phòng đi theo đường Cầu Đất rồi rẽ vào phố Hai Bà Trưng (Cát Dài) khoảng 200m là tới di tích đền An Biên, nơi thờ nữ tướng Lê Chân. Đây là một ngôi đền có quy mô to lớn, tồn tại khá nguyên vẹn giữa lòng thành phố đông đúc. Nằm trong một ngõ nhỏ giữa một khu phố khá cổ và sầm uất của Hải Phòng người ta có thể dễ dàng nhận ra ngôi

đình cổ nhờ những mái ngói rêu phong, đầu đao cong vút...Đình An Biên tọa lạc trên khuôn viên hình chữ nhật rộng chừng 3000m². Mặt bằng kiến trúc bố cục theo lối chữ Công (I) gồm 5 gian đại đình, 3 gian ống muống và 3 gian hậu cung. Tòa đại đình 5 gian, cột đình là những thân gỗ lim đại thụ, đứng trên chân tảng là những phiến đá khối tạo dáng trên tròn giạt cấp, giữa hình lục lăng còn đáy là khối vuông dày. Hệ thống mái đình được nâng đỡ bởi 6 bộ vì kèo, kiểu “chồng rường giá chiêng”.

Tòa ống muống là ngôi nhà nối giữa đại đình và hậu cung gồm 3 gian, hệ thống mái được nâng đỡ bởi 4 vì kèo gỗ lim. Các vì có kết cấu kiểu “chồng rường giá chiêng” và “ván mê”.

Tòa ống muống chia đôi mảnh sân hẹp trước hậu cung (đồng thời là phía sau đại đình) thành hai phần đều nhau. Phía ngoài 2 khoảng sân dựng nhà tả mạc và hữu mạc gọn gang tương tự nhau gồm 3 gian nhỏ.

Hậu cung là một ngôi nhà 3 gian song song với đại đình, mặt trước thông sang tòa ống muống bằng hệ thống cửa bức bàn, xung quanh xây tường gạch kín. Đặc biệt gian trung tâm đặt ban thờ Thành hoàng có kiến trúc kiểu lầu điện, cao 3 tầng, 4 mái giống gác chuông, gác trống.

Đình An biên là một trong những công trình kiến trúc cổ nổi tiếng ở nội thành Hải Phòng. Các thành phần kiến trúc trong đình từ câu đầu, xà nách, ván lá giông đến rường, bẩy... đều được trang trí, chạm khắc mà bố cục ở bất kỳ vị trí nào đều tuân thủ theo nguyên tắc đăng đối với kỹ thuật đạt trình độ điêu luyện, tinh xảo và phong cách nghệ thuật tiêu biểu của nghệ thuật đình làng thời Nguyễn thế kỷ XIX.

*** Đền An Biên**

Đền nằm trong ngõ 2, đường Hồ Sen, một ngõ hẹp của phường Trại Cau, quận Lê Chân, nội thành Hải Phòng, nhân dân quanh khu vực còn gọi là đình Vền ngoài.

Theo một cụ cao niên cư trú lâu đời ở khu phố cho biết: làng Vền xưa (An Biên) rất rộng, sau tách thành 2 làng nhỏ. Dân làng mới tách (Vền ngoài), lập

đền thờ nên cũng lấy tên là đền An Biên để thờ Nữ tướng Lê Chân. Trong đền còn lưu giữ một số di vật, cổ vật có niên đại thời Nguyễn. Căn cứ tấm bia; “An Biên thần tích linh tự bi ký” (bia ghi chép về vị thần thờ đền An Biên), khắc năm Duy Tân cửu niên (năm 1915) thì ngôi đền thờ Lê Thánh công chúa có công giúp Bà Trưng đánh giặc (tức Nữ tướng Lê Chân) và có công âm phù vua Trần dẹp giặc Chiêm Thành.

Căn cứ vào dòng chữ Hán “Ất Mão trùng tu” khắc trên câu đầu gian tiền tế và một tấm bia hiện dựng tại gian trung cung “Trùng tu đình vũ hậu thần bi ký” (Bia ghi việc bầu hậu những người công đức trùng tu nhà đền) thì đền An Biên được trùng tu vào năm 1915.

Đền An Biên nhìn về hướng đông, có bố cục mặt bằng hình chữ Tam, gồm 5 gian tiền tế, 3 gian trung cung, 3 gian hậu cung. Năm gian tiền tế được nâng đỡ bởi 6 bộ vì kèo, gồm 24 cột gỗ lim, kết cấu vì nóc kiểu giá chiêng, chông rường; tòa trung cung được nâng đỡ bởi 2 bộ vì, kết cấu vì nóc kiểu giá chiêng; tòa hậu cung gồm 4 bộ vì, 4 hàng chân cột, vì nóc kết cấu kiểu giá chiêng, chông rường. Trong tòa hậu cung thâm nghiêm còn lưu giữ được một bức đại tự, một khám thờ và một đôi câu đối. Đại tự ghi: Đức đấng càn khôn (đức lớn sánh cùng trời đất). Khám thờ trang trí hình ảnh chim phượng. Trong khám có ảnh khắc họa chân dung tượng Nữ tướng Lê Chân chụp lại theo thần tượng Bà vào đầu thế kỉ XX.

Hiện nay, đền An Biên nằm lọt giữa khu dân cư đông đúc, ít người biết đến. Tòa tiền tế nằm trong khuôn viên của bệnh viện Lê Chân, được sử dụng làm kho chứa thuốc, mái bị hư hỏng, lợp lại bằng ngói phibêximăng. Tòa trung cung và hậu cung những năm qua đã được người dân tự phát tu sửa manh mún, chắp vá nên đang trong tình trạng hư hỏng, xuống cấp.

*** Đền thờ Nữ tướng Lê Chân tại núi Voi**

Đền được đặt tại núi Voi, huyện An Lão, Hải Phòng. Núi Voi từ thời xa xưa đã lưu giữ cả một kho tàng di sản văn hóa phong phú như đền Hang, đình chùa Chi Lai, chùa Long Hoa, chùa Bụt Mộc... để thờ Phật và các nhân thần nổi

tiếng như : Cao Sơn Đại vương, Thục Phán An Dương Vương hay Lê Chân nữ tướng...

Trải qua thời gian khí hậu và những cuộc chiến thanh khốc liệt, nhiều di tích bị xuống cấp hoặc hư hỏng chỉ đến những năm đôi mới gần đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự đóng góp sức người, sức của nhân dân, nhiều công trình kiến trúc mới được phục dựng, tu bổ, tôn tạo phục vụ khách tham quan du lịch như Bảo tàng núi Voi, đình chùa Chi Lai, chùa Long Hoa... Đặc biệt mới đây khánh thành đền Nữ tướng Lê Chân- một công trình văn hóa tâm linh đồ sộ mà sự xuất hiện góp phần điểm tô cho quần thể di tích núi Voi thêm khang trang, ý nghĩa.

Đền thờ Nữ tướng Lê Chân tọa lạc trong khu vực đền Hang, nơi xưa kia thờ Phật, Tam tòa Thánh Mẫu, Đức Ông và Thán Chân công chúa thuộc địa bàn xã An Tiến, huyện An Lão, trên một khuôn viên khép kín rộng hơn 4000m².

Đền chính có cấu trúc hình chữ Đinh với diện tích 190m² gồm 5 gian tiền tế và một gian hậu cung. Mặt trước của đền quay về hướng Nam nhìn thẳng ra quốc lộ 10, xa hơn là đồi núi nhấp nhô. Mặt sau tựa vào vách núi tựa thế vững bền... Với kiến trúc chủ yếu bằng gỗ lim, bố cục hài hòa giữa chiều cao, mái ngói, đầu đao bên ngoài cùng với cách bài trí gọn gang của đền thờ nghi trọng bên trong tạo cho du khách cảm giác thoáng đãng, thư thái mà ấm áp tôn nghiêm, lắng đọng cùng với sự trường tồn dài lâu của ngôi đền thờ vị anh hùng dân tộc, Nữ tướng Lê Chân, người có công lập nên thành phố Hải Phòng ngày nay.

Tương truyền, núi Voi là khu vực hiểm trở, thuận lợi cho việc dùng binh nên bà đã bí mật sử dụng nơi này chiêu mộ, tập hợp, huấn luyện binh sĩ chờ ngày xuất trận. Khi Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa ở Mê Linh, Lê Chân đã cùng nghĩa binh An Biên- núi Voi kịp thời hưởng ứng, lập nhiều chiến công vang dội, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Đông Hán đến thắng lợi.

*** Tượng đài Nữ tướng Lê Chân**

Tượng đài Nữ tướng Lê Chân tọa lạc ở trung tâm dải vườn hoa thành phố Hải Phòng. Dải công viên trung tâm thành phố là địa điểm hấp dẫn. Từ nơi đây có thể chiêm ngưỡng nét cổ kính của nhà hát thành phố, sự thanh lịch, tươi trẻ của Quán Hoa, ngắm những đường vòng, uốn lượn của vòi phun nước nghệ thuật, thả bộ cùng sự tĩnh lặng của hồ Tam Bạc. Trong dải công viên cây xanh, tượng Nữ tướng Lê Chân có dáng đứng uy nghi, tay cầm đốc kiếm, áo choàng tung bay. Thần thái tượng thể hiện sự mạnh mẽ của một tướng lĩnh nhưng đầy nữ tính, biểu tượng cho vẻ đẹp và sự can trường của người phụ nữ Việt Nam. Nữ tướng có khuôn mặt đôn hậu, trẻ trung, đứng nhìn ra biển Đông như đang thị sát để chuẩn bị kế hoạch chống giặc, lập ấp.

Tượng Nữ tướng được đúc bằng đồng nguyên khối, chiều cao tổng thể 10,09m, nặng 19 tấn. Trong đó phần tượng Nữ tướng cao 7,49m, phần lông chim hạc trên đầu cao 0,7m. Các họa tiết hoa văn đều được khai thác từ hoa văn thời đại Hùng Vương với hình tượng sóng nước cuộn cuộn, lông chim hạc trên đỉnh đầu...

Tượng Nữ tướng Lê Chân là mẫu dự thi của 2 họa sĩ Nguyễn Phúc Cường và Nguyễn Mạnh Cường, công ti đúc đồng Hải Phòng thi công. Hình tượng Nữ tướng Lê Chân cưỡi thuyền thị sát cũng được khắc trên trống đồng do Bảo tàng Hải Phòng và Hội Cổ vật đúc cung tiến vào đền Nghè nhân dịp kỉ niệm 1000 năm Thăng Long- Hà Nội (năm 2010).

Tượng đài là công trình tưởng niệm ghi nhớ công lao của Nữ tướng Lê Chân đối với thành phố Hải Phòng. Tượng được nhân dân thành phố Hải Phòng khánh thành vào tháng 1 năm 2001.

2.3. Di tích lịch sử văn hóa Đền Nghè

Trong rất nhiều di tích lịch sử văn hóa là những công trình tưởng niệm Nữ tướng Lê Chân, đền Nghè hiện hữu giữa lòng thành phố Hải Phòng với mái ngói rêu phong, cổ kính và linh thiêng, nơi áp ủ truyền thống văn hiến ngàn năm và thấm đượm tinh thần dân tộc. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử tự nhiên cũng

như xã hội, nhiều năm qua, chính quyền thành phố cùng các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân đã dành cho đền Nghè sự quan tâm đặc biệt để giữ gìn, bảo vệ ngôi đền, đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng cổ truyền dân tộc.

Một trong những điểm đến được đoàn công tác của Tổng cục Du lịch vừa tiến hành khảo sát để xây dựng hành trình “tua”, giới thiệu trong Năm du lịch quốc gia 2013 tại Hải Phòng, đó là đền Nghè. Một địa danh du lịch văn hóa tâm linh tiêu biểu của thành phố Hoa Phượng đỏ được đông đảo du khách ưa thích. Họ đến di tích lịch sử văn hóa thờ Nữ tướng Lê Chân này để tìm hiểu về vùng đất, con người Hải Phòng gắn với vị tướng giỏi của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thế kỷ thứ nhất (40 - 43). Người đã đến vùng đất ngã ba sông Tam Bạc - sông Cấm, lập ấp Văn, sau đổi là An Biên Trang, tiền thân của thành phố Hải Phòng sau này. Đền bề thế với quy mô vừa phải nhưng từ lâu trở thành một trong số những di tích lịch sử và danh thắng nổi tiếng của thành phố.

Cũng chính tại mảnh đất giàu tài nguyên này là không gian làm sống lại những giá trị lịch sử, là nơi để tưởng nhớ công lao của thế hệ trước, là địa điểm sinh hoạt văn hóa của người dân Hải Phòng. Lễ hội truyền thống Đền Nghè là nơi hội tụ những yếu tố trên. Đây cũng chính là một dạng tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị và cần được bảo tồn và phát huy.

Nói đến đền Nghè, người Hải Phòng ai cũng biết đó là một ngôi đền có từ lâu đời ở quận Lê Chân, nhưng Hải Phòng vẫn còn một ngôi đền Nghè khác ở vùng đất Đồ Sơn. Đây chỉ là sự trùng tên, còn hai ngôi đền này có đối tượng tôn thờ hoàn toàn khác biệt. Ngôi đền mang ý nghĩa lịch sử và tâm linh của người dân Đồ Sơn. Từ ngã ba đường Lý Thánh Tông theo đường Suối Rồng vòng về phía Vạn Hương, ngay cạnh UBND phường, mọi người có thể dễ dàng nhận ra đền Nghè. Đền Nghè - Đồ Sơn được xây dựng ở lưng chừng núi, nơi đất - biển - trời giao hoà. Đền Nghè là nơi được người dân Đồ Sơn coi trọng vì nơi đây thờ "lục vị tiên công" - 6 dòng họ đầu tiên đã đến đây lập nên đất Đồ Sơn.

Đền Nghè nằm tại Phường Vạn Hương, Thị xã Đồ Sơn, Hải Phòng cách Hà Nội khoảng 120 km về phía đông là nơi thờ Điem Tước Thần Vương, một vị thần theo tưởng tượng của dân gian liên quan đến tục chọi trâu ở Đồ Sơn.

Đây cũng là nơi thờ cúng các vị thần hoàng của Đồ Sơn, trước và sau lễ hội chọi trâu, đền là nơi nhân dân và các giáp, các phường tập trung về để tế lễ. Ngược theo dòng lịch sử mới thấy được hết sự độc đáo và tâm linh của ngôi đền này, trước năm 1945 tổng Đồ Sơn có 2 xã, 5 làng; làng nào cũng có đình, đền riêng song hầu như tất cả chỉ có duy nhất một vị thành hoàng. Vị thành hoàng chung của người dân Đồ Sơn xưa được cả làng, xã xây dựng lên để thờ là thần Điem Tước. Nguồn gốc của vị thần này bắt nguồn từ một truyền thuyết xa xưa, kể rằng vùng đất Đồ Sơn đang yên vui bỗng có một con thủy quái đến phá hoại các xóm vạn chài, bắt dân cư mỗi năm phải cúng cho nó một " thiện nam " tại vụng Mát. Trước sức mạnh và sự tàn ác của thủy quái, nỗi đau mất mát ngày càng đè nặng lên đời sống của các ngư dân vạn chài, từ đó họ luôn cầu thần khẩn phật ra tay cứu giúp. Thế rồi vào một đêm hè, giông bão nổi lên, thủy quái bị giết, xác dạt vào bãi biển nơi mỏm Nghè, chân núi Ngọc. Được sự giúp đỡ của thần linh, xóm vạn chài trở lên yên vui, cư dân Đồ Sơn đã tiến hành lễ cầu duệ hiệu(tên gọi của thần). Sau 7 ngày, 5 đêm thì thấy hiện lên nốt chân chim trên mâm bột, từ đó Điem Tước trở thành tên gọi của thành hoàng tổng Đồ Sơn (Điem Tước có nghĩa là vết chân chim). Từ nguồn gốc của vị thành hoàng làng này, tục chọi trâu đã được hình thành ở Đồ Sơn và là tập tục rất lâu đời của người Việt cổ được lưu giữ cho đến ngày nay. Với những nghi thức độc đáo mang màu sắc của văn hoá vùng ven biển, tục chọi trâu Đồ Sơn đã trở thành một lễ hội đặc biệt mang tầm vóc quốc gia.

Di tích đền Nghè - Đồ Sơn hội tụ đủ cả hai yếu tố vật thể và phi vật thể để trở thành một di sản văn hoá rất có giá trị, được xây dựng và tồn tại trong một không gian văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc.

2.3.1. Vị trí địa lý, lịch sử hình thành và phát triển Đền Nghè

*** Vị trí địa lý**

Di tích lịch sử văn hóa Đền Nghè hiện nay tọa lạc ở trung tâm thành phố Hải Phòng. Vị trí ngôi đền nằm giáp hai mặt phố Mê Linh và phố Lê Chân, thuộc phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Đền Nghè xa xưa thuộc địa phận xã An Biên (tên nôm là làng Vền), huyện An Dương, phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

***Lịch sử hình thành và phát triển**

Đền Nghè ban đầu là một miếu nhỏ nằm trên bãi soi, nơi ngã ba sông Tam Bạc gặp sông Cấm, cũng là nơi đầu tiên khi Lê Thánh Công chúa từ làng quê của mình đặt chân đến vùng đất ven biển. Khi thực dân Pháp xâm lược, theo hòa ước Giáp Tuất (tháng 4 năm 1874), đây là cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bắc Kỳ lần thứ nhất. Tại thành Hà Nội, 100 binh lính đã chiến đấu và anh dũng hi sinh tại ô Quan Chưởng. Tổng đốc Nguyễn Tri Phương (73 tuổi) chỉ huy quân sĩ chiến đấu dũng cảm. Nguyễn Tri Phương hi sinh, thành Hà Nội thất thủ, quân triều đình nhanh chóng tan rã. Con trai ông Nguyễn Lâm cũng hi sinh. Nhân dân tiếp tục chiến đấu quyết liệt, buộc Pháp phải rút về các tỉnh lỵ cố thủ. Trận đánh gây tiếng vang lớn là trận Cầu Giấy (21/12/1873). Gác-ni-ê tử trận. Pháp hoảng hốt, tìm cách thương lượng với triều Huế kí Hòa ước 1874. Theo đó, triều Huế nhượng hẳn 6 tỉnh Nam Kỳ cho Pháp, Việt Nam “chiều” theo đường lối ngoại giao của Pháp, Pháp được tự do buôn bán và được đóng quân tại những vị trí then chốt ở Bắc Kỳ. Hiệp ước gây nên làn sóng bất bình trong nhân dân. Cuộc kháng chiến của nhân dân chuyển sang giai đoạn mới: vừa chống Pháp vừa chống triều đình phong kiến đầu hàng.

Nhân dân đã nổi dậy kháng chiến và phối hợp với quân cờ đen giết được Gác-ni-ê ở trận Cầu Giấy ngày 16-12-1874 Quân Pháp rút khỏi thành Hà Nội. Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ thì vùng đất An Biên xưa thuộc đất nhượng địa của thực dân Pháp, nhân dân làng An Biên khi đó đã di chuyển đến Đền Nghè về phía Nam. Đến vùng đất hiện nay thì đây khiêng “

thạch quang” bị đứt (theo truyền thuyết, “ thạch quang” là vật thiêng do Nữ tướng sau khi mất báo mộng về), khiêng đi không được nên nhân dân đã dựng đền tại đây để thờ phụng.

Đền Nghè bản nguyên có thể đã được nhân dân dựng từ rất xa xưa. Trong An Biên thần tích bi ký ghi: Khi nữ tướng Lê Chân mất, bà đã báo mộng cho nhân dân làng An Biên ra bờ sông rước vật thiêng về lập miếu thờ, mọi việc cầu đảo hết thấy đều ứng nghiệm. Ban đầu, đền có thể là chỉ là một ngôi miếu thờ nhân thần là nữ nhân vật lịch sử triều Trung có công đánh giặc Hán đô hộ bvois tên gọi An Biên cổ miếu(miếu cổ làng An Biên)

Đến thời Trần (thế kỷ XII-XIII) Thánh Chân Công chúa báo mộng âm phù giúp vua Trần Nhân Tông đánh thắng giặc Chiêm thành nên được phong mỹ tự là Nam Hải uy linh và miếu An Biên được cấp tiền tu sửa (Văn bia ghi là 100 quan)

Công trình kiến trúc Đền Nghè hiện nay được nhân dân trùng tu quy mô lớn trong thời gian từ năm 1924- 1927 triều vua Khải Định thời Nguyễn. trong văn bia tại nhà giải vũ Đền Nghè ghi rõ vào mùa xuân năm Giáp Tý, niên hiệu vua Khải Định năm thứ 9 (1924), dân làng An Biên hội họp để khởi công trùng tu, tôn tạo di tích miếu An Biên. Sáu 3, 4 năm mới hoàn thành. Đến tháng 7 năm 1927, dân làng An Biên lập bia đá ghi danh những người công đức xây dựng miếu An Biên trong đợt trùng tu, tôn tạo trên. Trên bia ghi 243 người và tập thể công đức. Trong số những người công đức có người Pháp lấy vợ người Việt, những chủ hiệu, những thương nhân người Hoa... người công đức cao nhất là bà Trịnh Thị Mão (vợ của 1 vị xã trưởng), số tiền công đức là 400 nguyên. Người công đức ít là 3 nguyên. Tổng số tiền công đức trùng tu miếu là 3 959 nguyên. Ngoài số tiền công đức trên, còn có nhiều người công đức trung tu miếu bằng vật liệu như câu đối, bàn thờ, bát hương, cát, gạch, gỗ, đá...

Trải qua thời gian, chiến tranh, di tích bị xuống cấp nghiêm trọng. đến năm 2007-2009, Đền Nghè đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đầu tư cấp kinh phí tu bổ, tôn tạo như hiện nay.

2.3.2. Các công trình kiến trúc tại Đền Nghè

* Nghi môn

Nghi môn Đền Nghè có kiểu cửa phương thành, đây là kiến trúc phổ biến thế kỷ XIX, một sự kết hợp giữa kiến trúc công làng truyền thống người Việt và phong cách kiến trúc phương Tây (vô- băng) . Nghi môn Đền Nghè gồm 3 cửa vào: Cửa chính giữa (trung quan) là cửa lớn nhất. Đây là cửa thường chỉ mở vào những dịp chính lễ của Đền. Khi rước kiệu thì đội cờ, lọng, đội tế đi cửa này. Cửa bên trái (hữu quan), và cửa bên phải (tả quan) thấp hơn cửa chính giữa. Hai cửa này mở vào những ngày thường nhân dân vào chiêm bái.

Nghi môn được xây dựng vào đầu thế kỷ XX và được tu sửa lại vào năm 2007. Trên Nghi môn trang trí nhiều linh vật trong thế giới tâm linh của người Việt như: Chim phượng, Lân, Rồng...tất cả được chạm khắc trên đá tinh xảo.Trên trụ phía ngoài cổng có khắc đôi câu đối đề cao công đức của vị thần thờ trong Đền.

Đức đại yên dân thiên cổ thịnh

Công cao hộ quốc vạn niên trường

Dịch nghĩa:

Đức lớn làm yên lòng dân, (đức này) từ xa xưa ngày càng giàu có

Công dày giúp đất nước,(công đó) mãi mãi còn ghi.

*Tiền tế

Qua Nghi môn vào khoảng sân rộng lát gạch Bát Tràng là bước vào không gian của Đền Nghè, phía trước là gian Tiền tế. Tiền tế có kiểu tường hồi bít đốc. trng trí trên bờ nóc là hình tượng các linh vật trong thế giới tâm linh của người Việt. Hai bên bờ nóc là hai đầu rồng ngậm bờ nóc chầu về trung tâm, tiếp theo là hai quy tàng chở Hà đồ (bức đồ trên sông Hoàng Hà), tiếp theo là hai chim phượng sải cánh trong thế tung bay. Tất cả các linh vật đều hướng về trung tâm trong tư thế chuyển động. Ở trung tâm bờ nóc là một bức cuốn thư lớn đề 4 chữ Hán “ An Biên cổ miếu” (miếu cổ làng An Biên), các chữ được giát những mảnh sứ màu lam long lanh.

Tiền tế có kiểu nóc chồng rường con thuận. Trung tâm của gian tiền tế là bàn thờ Công đồng các quan – những người đã phò tá và chinh chiến cùng Nữ tướng Lê Chân. Bàn thờ có một nhang án lớn trên đặt long ngai thờ bài vị công đồng, hai bên là hai lọng che, phía trước nhang án là một lư hương lớn đặt chính giữa và hai hạc châu hướng vào. Hai bên nhang án là hệ thống bát biểu.

Tòa Tiền tế được dựng năm Khải Định cửu niên (năm 1924) dưới thời Nguyễn, đến năm 2007 được trùng tu tôn tạo lại.

Hai gian bên cạnh tòa tiền tế là nơi đặt Long kiệu và Phượng kiệu tượng trưng cho âm dương đối đãi. Kiệu phục vụ trong những ngày chính lễ chính của đền. Ngoài ra tiền tế còn đặt chuông và một khánh đá.

***Thiên hương**

Qua nhà Tiền bái một khoảng bước chân, nằm chính diện cân đối trên đường thần đạo về phía trong là tòa thiên hương. Tòa thiên hương cấu trúc theo kiểu phương đình (nhà vuông).

Tòa Thiên hương gồm bốn cột gỗ lớn đỡ các xà liên kết ngang (giữa các cột) và kẻ góc thu về nóc tạo thành hai tầng mái có kiểu chồng diêm. Phần góc đao trang trí đề tài long phụng hồi châu. Phần chồng diêm (giữa hai mái) ghép các bức tranh theo đề tài Đạo giáo: Ngọc hoàng thượng đế, Tam thanh. Các bức tranh này xoay quanh nguồn gốc và xuất xứ ly kỳ của Mẫu Lê Chân có ảnh hưởng của Đạo giáo.

Thiên hương đặt một sập đá lớn, trên sập đá đặt đồ tế khí. Các đồ tế khí đặt theo nguyên tắc đăng đối qua trục thần đạo. phần trên là một bức đại tự lớn: Thượng đẳng tôn thần, dẫn theo bản sắc phong của vua Khải Định phong năm 1924.

Trung tâm của Thiên hương đặt sập thờ. Đây là sập thờ khổ lớn bằng đá, kiểu chân quỳ dạ cá. Mặt sập phẳng, mở ra 4 góc, dưới mặt sập là các đường chỉ trang trí cánh sen, hoa cúc dây nổi. thân sập (dạ cá) trang trí ở bốn mặt: mặt chính diện là “ hổ phù hàm thọ” (hổ phù ngậm chữ thọ, biểu trưng cho sự trường tồn), mặt sau là “ quy tàng”, hai bên trang trí “ phượng thư bút” (chỉ đến

những nữ giới cao quý có được sự tinh thông thao lược văn võ). Bốn góc sập là bốn mặt hồ phù trang trí bao trùm lên chân sập. phần chân sập đỡ trên 4 con lân đá trong tư thế thủ phục, mắt mở tròn cảnh giác... các linh vật và các đường nét hoa văn trang trí trên sập đều được khắc nổi lấy vân mây và hoa cúc dây làm nền trang trí, tạo cho sập đá có dáng vẻ mềm mại, các linh vật có hồn, sống động.

Sập đá do bà Nguyễn Thị Năm, hiệu là Kỳ Nam cúng tạo vào năm Mậu Dần, niên hiệu Bảo Đại thứ 10 (năm 1938). Sập đá ghi nhớ sự tích Thánh mẫu Lê Chân khi hóa làm Thành hoàng làng An Biên đã hiển linh bàn đá trôi ngược trên dòng sông Cấm. Thánh mẫu Lê Chân đã báo mộng cho dân làng An Biên ra bến sông để rước về dựng đền thờ Bà.

*** Hậu cung**

Là không gian linh thiêng nhất của di tích. Hậu cung là một tòa nhà ba gian kiểu tường hồi bít đốc. Phía ngoài, trên nóc hậu cung trang trí đề tài rồng châu mặt nhật. Tường hồi hậu cung được cách điệu hình cánh cung mở góc tạo bờ hồi nóc có dáng mềm mại. Nhìn từ phía hồi chính giữa nóc hậu cung là một mặt hồ phù lớn đắp nổi ngậm chữ “thọ”, hai bên là hai đầu rồng châu vào, phía trên là hình một chim phượng lớn nổi khối sải cánh bay...

Phía mái trước hậu cung có kiểu mái chồng diêm, trên đắp các bức phù điêu. Mỗi một mảng phù điêu gắn với xuất thân, công trạng và hiển linh của Nữ tướng: Mảng phù điêu chính giữa miêu tả cảnh sắc núi rừng Yên Tử hung vĩ. Bức phù điêu viết ba chữ Hán “An Tử sơn”, mảng phù điêu nhắc lại truyền thuyết trong thần tích: Thân phụ, thân mẫu của đức thánh Lê Chân sau khi lên An Tử cầu tự sinh ra Bà.

Mảng phù điêu bên phải miêu tả cảnh đoàn quân khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và Nữ tướng Lê Chân đánh giặc Đông Hán, với khí thế hùng dũng, voi, ngựa, cờ xí, giáo mác rợp trời. Mảng phù điêu bên trái là hình ảnh vua Trần Anh Tông thế kỷ XIV cùng đoàn quân hùng hậu, xe ngựa, thuyền rồng đi chinh phạt quân Chiêm Thành, khi đi qua vùng đất An Biên được đức thánh Lê Chân báo mộng âm phù.

Trên hiên hậu cung (ngọc lộ) có một bàn đá trên thờ miếu đá. Truyền thuyết kể rằng, khi Bà mất đã hóa thành miếu đá trôi trên sông về vùng đất An Biên và báo mộng cho dân làng rước về thờ. Miếu đá là khối đá vuông, được tạo tác công phu. Trung tâm mặt trước miếu khắc chìm dòng chữ:

“Đương cảnh Thành hoàng Nam Hải uy linh Thượng đẳng tôn tôn thần”.

Hai bên thân miếu là đôi câu đối:

Ngọc miếu tăng sung, Biên quận nhân tư đức báo

Thạch tọa lưu nghich, Cẩm giang nhật hiển linh thanh.

(dịch nghĩa: Ngọc miếu càng được tôn kính, dân An Biên luôn nhớ báo ơn người – Bàn đá mãi còn, khắc ngày hiển linh của Thánh trên sông Cẩm)

Mặt bên của thân miếu chạm nổi hình cửa võng, bên ngoài rìa thân miếu khắc chìm câu đối chữ Hán, mặt tả ghi:

Ngự Hán uy phong đào diệc nộ.

Phù Trung tâm sự thạch do linh.

(chống Hán phần nộ, nổi dâng như gió to, sóng lớn.

Giúp triều Trung, tinh thần để lại bàn đá linh thiêng).

Mặt hữu khắc:

Hiển tích đức niên, giang hữu thạch.

Dương hung trấn cổ, hải vô ba.

(Đức để lại có linh tích, trên sông bàn đá nổi

Sự nghiệp anh hùng, tựa như làm yên sóng biển).

Miếu đá đặt trên một bàn thờ đá. Bàn thờ đá cũng được tạo tác từ đá nguyên khối có dáng chân quỳ dạ cá.

Mặt khối bàn thờ hình chữ nhật đỡ miếu, thân thu gọn vào lòng, dạ cá mở ra để đỡ toàn thân miếu, phía trước mặt bàn thờ đá trang trí hồ phù ngâm chữ Thọ...

Bên trong tòa hậu cung, bộ vì nóc có kiểu chông rường trụ trốn đá chiêng. Trên thượng lương của tòa hậu cung ghi dòng chữ Hán “ Hoàng triều Khai Định cửa niên tuế thứ Giáp Tý, Thập nhị nguyệt, sơ lục nhật trùng tu cổ miếu, thụ trụ

thượng lương, đại cát” (Ngày 6 tháng 2 năm 1924 trùng tu cổ miếu An Biên, dựng cột, thượng lương tòa hậu cung, việc tốt lành). Chính gian giữa có bức đại tự khắc 4 chữ Hán: Nghi gia vạn thế (Gia đình Nữ tướng Lê Chân mãi mãi được người dân nhớ ơn phụng thờ). Trong cung cấm, trung tâm của di tích là ban thờ Nữ tướng Lê Chân. Thần tượng Bà ngự trong khám thờ với dáng vẻ uy nghi, khuôn mặt đôn hậu, xinh đẹp... Gian bên phải hậu cung là ban thờ thân mẫu của Nữ tướng, gian bên trái là ban thờ thân phụ. Hai ban thờ vọng không đặt thần tượng.

***Nhà giải vũ**

Từ hai gian hồi của tòa tiền bái đi vào là đến hai tòa giải vũ (tả vũ và hữu vũ). Hai tòa giải vũ được xây kiểu “đầu hồi bít đốc trụ đầu”, mỗi nhà ba gian mái chày. Phần tường xây để trống ở phía trước và mở hai cửa nách phía hồi để tiện đi lại sang các công trình khác. Hệ thống giải vũ vì gỗ được làm theo kiểu vì kèo quá giang, biến thể giá chiêng.

2.3.3. Di vật tiêu biểu trong khuôn viên di tích

***Bia thần tích**

Bia đá lớn được để trang trọng trong lầu bia, trên chính diện đường thần đạo trước sân Đền Nghè. Bia ghi “Hải Phòng An Biên thần tích bi”, nghĩa là bia ghi thần tích miếu cổ làng An Biên, thành phố Hải Phòng. Trên bia khắc hơn 1000 chữ Hán do dân làng An Biên tạo tác vào mùa xuân năm 1924.

Bia thần tích đặt trên đế bia bằng đá. Bia gồm 3 phần: Trán bia, thân bia, đế bia. Trán bia khắc nổi hình lưỡng long châu nhật ở trung tâm, xung quanh trang trí các cụm vân mây. Thân bia là phần ghi nội dung, xung quanh thân bia có diềm bia khắc nổi hoa cúc dây, phía dưới diềm thân bia chạm khắc lưỡng long như nâng đỡ bia. Đế bia là một khối đá liền tạo dáng như một bàn thờ kiểu chân quỳ dạ cá, mặt hướng tiền chạm nổi hổ phù, hàm thọ. Dạ cá hai bên hồi bàn đá chạm nổi hoa lá thiêng. Nhìn tổng thể, bia thần tích tạo dáng giống một bài vị lớn, các họa tiết trang trí mang ý nghĩa linh thiêng và sự tôn thờ cao cả. Bia có kích thước: Cao 1.5m, rộng 1m, dày 0.2m.

***Voi đá- Ngựa đá:**

Cùng với hệ thống các di vật cổ vật trong khu di tích Đền Nghè, với ý nghĩa là đền thờ một nữ tướng trận mạc, người xưa khi dựng đền thờ Bà đã đưa các vật linh gắn bó với cuộc đời chinh chiến của Nữ tướng Lê Chân phối thờ cùng.

Voi đá (một cặp): trong tư thế buông vòi phủ phục chờ chủ tướng xung trận

Ngựa đá (một cặp) trong tư thế đứng, sẵn sàng cương đai như chờ đợi chủ tướng xuất kích.

Voi đá và ngựa đá được tạc bằng đá xanh nguyên khối, có kích thước không lớn (cao 60 cm, rộng 40 cm). Những di vật này được tạo trong đợt tu sửa năm 1924.

***Khánh đá:**

Khánh đá treo tại nhà tiền tế Đền Nghè, đây là chiếc khánh đá có kích thước lớn (160 × 97 × 6 cm) . Mặt trước khắc nổi trang trí đề tài lưỡng long châu nguyệt trong nền vân tản (vũ hội long vân). Mặt sau khắc nổi đề tài cụm sen, tứ linh (long, ly, quy, phượng). Phía trên gần đỉnh khánh tạo lỗ treo khánh. Mặt trước khánh in dòng lạc khoản: “ Mậu Thìn niên thu tạo, đệ tử Bùi Thị Tý, hiệu Diệu Nguyên cung tiến” (khánh đá là do bà Bùi Thị Tý hiệu Diệu Nguyên công đức vào Đền Nghè mùa thu năm 1928). Cùng với chuông, trống, khánh đá là những đồ tế khí mang lời thỉnh cầu của chúng sinh lên bậc tôn kính...

Đền Nghè còn lưu giữ hệ thống các di vật, cổ vật có niên đại cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX như : Hệ thống câu đối, đại tự, sắc phong, bia đá (bia hậu), cây hương...Đây là những di vật được hình thành trong quá trình xây dựng và tôn tạo di tích do nhiều cá nhân, tập thể cung tiến vào Đền.

***Bia đá**

Bia đá lớn được để trang trọng trong lầu bia, trên chính diện đường thần đạo trước sân Đền Nghè. Bia ghi “ Hải Phòng An Biên thần tích bi”, nghĩa là bia

ghi thần tích miếu cổ làng , thành phố Hải Phòng. Trên bia khắc hơn 100 chữ Hán do dân làng An Biên tạo tác vào mùa xuân năm 1924.

2.3.4. Điện Tứ phủ Đền Nghè

Điện Tứ Phủ nằm trong khuôn viên di tích lịch sử Đền Nghè. Điện hướng mặt về phía Bắc nhìn ra phố Lê Chân.

Trong lịch sử hình thành các đền thờ nữ thần thường gắn liền với Tứ phủ thờ hệ thánh Mẫu của người Việt. Tứ phủ đền Nghè cũng được ra đời cùng với sự ra đời của đền thờ Nữ tướng Lê Chân. Ban đầu kiến trúc và thờ tự còn sơ sài, hiện nay là công trình kiến trúc được tu sửa vào năm 2007 – 2009.

Tứ phủ Đền Nghè có kiểu chuôi vồ (chữ Đinh), gồm một tòa Tiền bái, một tòa Hậu cung và hai gian phụ hai bên.

Tiền bái là tòa nhà có kiểu tường hồi bít đốc. Phía ngoài, có hai trụ biểu lớn ngậy hai bên hồi, trên có đôi câu đối ca ngợi vẻ đẹp sơn thủy hữu tình của vùng đất này. Trên nóc Tiền bái, ở trung tâm trang trí lưỡng long châu nguyệt, mặt nguyệt do một hồ phù lớn ngậm theo tích “ hồ phù ọe mặt trăng”, hai bên cạnh là rùa đội Hà đồ và phía góc có hai đầu rồng ngậm nóc mái.

Bên trong, Tiền bái có kiểu vì chông rường con thuyền. Ở trung tâm gian Tiền bái đặt bàn thờ Công đồng các quan. Hai bên tòa Tiền bái là nơi thờ các ông Hoàng, bên trái thờ ông Hoàng Mười, bên phải thờ ông Hoàng Bảy.

Từ trung tâm của Tiền bái đi vào Hậu cung là một tòa ống muống 2 gian kiểu chông rường giá chiêng. Gian phía trước là nơi thờ Ngũ vị tôn ông. Gian trong cùng Hậu cung và là trung tâm của di tích là nơi đặt bàn thờ Tam hòa Thánh mẫu. Ba vị Mẫu cai quản 3 miền: trời, đất, nước. Thần tượng các vị Mẫu được đặt trong khám thờ trong tư thế ngồi thiền, trang phục áo thêu kim tuyến, mỗi màu áo gắn với miền cai trị của các vị Mẫu: Mẫu Thượng thiên (tượng đặt chính giữa) mặc yếm màu đỏ, Mẫu Địa (tượng đặt phía bên trái) mặc yếm xanh, Mẫu Thoải (đặt bên phải) mặc yếm màu trắng. Phía trước Mẫu Thượng thiên là thần tượng Mẫu Liễu Hạnh. Trong dân gian, Mẫu Liễu Hạnh là con của Ngọc Hoàng thượng đế giáng trần nên thường được đồng nhất với Mẫu Thượng

Thiên. Bên cạnh các Mẫu có các hầu cô, tiên cô, nàng Hương, nàng Thị... giúp việc.

Hai gian bên cạnh Tam tòa, gian bên trái là bàn thờ vị Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, thần tượng đặt trong khám thờ trong tư thế ngồi, tượng mặc văn phục, tay cầm hốt lạnh điều quân ... Gian bên phải Tam tòa thờ Mẫu Sơn trang, vị Mẫu cai quản miền núi rừng. Bàn thờ được tạo dựng giống một sơn động núi non, thác nước, cây cỏ và hang động ... Mẫu mặc áo xanh, ngồi trong tư thế ngồi thiền động, bên cạnh có nhiều tiên cô giúp việc theo hầu ...

2.3.5. Các đối tượng thờ tại Tứ Phủ

***Tín ngưỡng thờ mẫu**

Thiên Phủ do Mẫu Đệ nhất (Mẫu Thượng thiên) cai quản. Đây là vị Mẫu làm chủ các hiện tượng tự nhiên : mưa, mây, gió, bão, sấm, chớp. Trong tâm thức dân gian, Mẫu Thiên Phủ - Mẫu Thượng thiên thường được hiện thực hóa là vị Mẫu Liễu Hạnh, con gái của Ngọc Hoàng Thượng đế đã giáng trần vào thời Lê sơ (thế kỷ XVI) và hiện diện giúp dân trừ giặc dã, đối thơ cùng Phùng khắc Khoan ... Ở Trung Bộ và Nam Bộ, Mẫu Đệ nhất được đồng hóa với Mẫu Thiên Yana, Thiên Mụ.

Nhạc Phủ do Mẫu Đệ nhị (Mẫu Thượng ngàn) cai quản. Đây là vị Mẫu chủ việc cai quản rừng núi, ban phát của cải. Đền thờ Mẫu Đệ nhị phổ biến ở vùng miền núi phía Bắc nước ta...

Thủy Phủ do Mẫu Đệ tam (Mẫu Thoải) cai quản. Đây là vị Mẫu trị vì các miền sông nước, cung cấp nước cho nông nghiệp, bảo trợ nghề đánh cá ... Mẫu Thoải thường được thờ vùng đồng bằng ven biển.

Địa Phủ do Mẫu Đệ tứ (Mẫu địa phủ) cai quản. Đây là vị Mẫu quản lý đất đai nguồn gốc của sự sống.

Điện Tứ Phủ ở Đền Nghè Hải Phòng nằm trong quần thể di tích Đền Nghè. Nơi thờ vị Nam Hải uy linh Thánh Chân Công chúa, Bà vừa là một nhân vật trong lịch sử Việt Nam đồng thời là một vị nữ thần. Nhân dân phụng thờ Thánh Lê Chân và tôn xưng Thánh Mẫu là đề cao công lao của bà với đất nước,

nhân dân. Đây là một hình thức thờ nữ thần nằm trong hệ thống thờ Mẫu của nhân dân ta.

Trong tín ngưỡng dân gian, Mẫu đệ nhất – Mẫu Thiên là mẫu có quyền lực bao trùm, đây là lực lượng sáng tạo ra trời và các hiện tượng trên bầu trời như mây, mưa, sấm, chớp, bão tố vv... Mẫu đã tạo ra miền trời và đặt ra các quy luật vận hành của miền trời, thờ Mẫu Thiên vì mong được mưa thuận gió hòa ...

Mẫu Đệ nhị là Mẫu Thượng Ngàn – Mẫu biểu tượng về núi rừng – nguồn của cải vô tận để ban phát cho con người. Ở miền núi rừng được coi là nơi chuyển tiếp của các kiếp người đã qua (chết) để trở thành cô, cậu. Ở đây thể hiện tính nhân bản của người Việt: Không chỉ chăm lo cho người sống mà còn chăm lo cho cả người chết. Người chết có thể chuyển hóa thành cô, cậu. Cho nên, việc thờ cô, cậu là nói tới một nhận thức về luân hồi, một biểu hiện cụ thể về điều thiện để con người hướng tới; thứ nữa là lòng mong muốn mọi sự tốt lành cho người đã mất.

Mẫu Đệ tam là Mẫu Thoải hay Thủy là lực lượng tạo ra nguồn nước. Nhân dân ta coi đây là yếu tố đầu tiên của nghề trồng lúa nước và ngư nghiệp.

Mẫu Đệ tứ là Mẫu Địa – lực lượng tạo ra đất, yếu tố cơ bản của mọi nguồn của cải, cây cối. Các Mẫu Thiên, Mẫu Địa, Mẫu Thoải đều gắn liền với nghề làm ruộng của người Việt.

Tín ngưỡng thờ Ngũ vị Tôn Ông

Ngũ vị Tôn ông là những lực lượng có nguồn gốc nhân thần được linh hóa, giúp Mẫu thần thực thi quyền năng, gồm các vị: Nguyễn Nghiêm (Thần Gió); Nguyễn Quyền (Thần Mây); Nguyễn Bé – Vũ Thiên Hậu (Thần Mưa); Nguyễn Khoản – Lạc Long Quân (Thần Sấm); Nguyễn Huệ (Thần Chớp). Hàng năm, tết 5 tháng 5 âm lịch lấy ngày hội lễ chung của Ngũ vị tôn ông.

Tại điện Tứ Phủ ở Đền Nghè, Hải Phòng, Ngũ vị Tôn ông được thờ ở gian trung cung. Y phục của các vị là áo quan văn, võ, mũ cánh chuồn.

Để biến ý định sáng tạo của Mẫu thành hiện thực, cần có một lực lượng thực hiện. Đó là Tứ Phủ Châu bà (hay Tứ Phủ Thánh Châu) và Tứ Phủ QUAN

Hoàng. Nhiều vị của hệ thống này đã hóa thân xuống trần gian để làm tướng lĩnh giúp nước, yên dân.

Tứ Phủ Châu Bà gồm: Châu Đệ nhất, Châu Đệ nhị, Châu Đệ tam, Châu Đệ tứ và Châu Năm thờ ở nhiều nơi trong cả nước; Châu Đệ ngũ được thờ ở suối lân, Lạng Sơn; Châu thất Tiên La ở Hưng Hà, Thái Bình; Châu Bát là Bát Nàn ở Đồng Mỏ, Lạng Sơn; châu Cửu Tinh hay còn gọi là Bán thiên công chúa hoặc Cửu Thiên Huyền Nữ thờ ở Bim Sơn, Thanh Hóa; châu Bé thờ ở Bắc Lệ, Lạng Sơn ...

Tứ Phủ Quan hoàng gồm có các vị:

Ông Hoàng Đệ nhất là một vị tướng của Lê Lợi có công đánh giặc Minh.

Ông Hoàng Đệ nhị (ông Hoàng Đồi) là một vị quan lớn Triệu Tường có công khai phá đất hoang được thờ ở Thanh Hóa.

Ông Hoàng Bơ (Ba) được thờ ở đền Lảnh Giang (Lễnh Giang), Hà Nam và Hưng Yên với tư cách là thủy thần phò vua đánh giặc. Ông Hoàng Bơ, cháu của cụ Nguyễn Long Cảnh được thờ ở thôn Nguyệt Áng, xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội đã có công đánh giặc Ma Na.

Ông Hoàng Bảy thường gọi là Ông Bảy bảo Hà. Theo truyền thuyết, Ông là con Đức Vua Cha. Theo lệnh vua, ông giáng trần trở thành con trai thứ Bảy trong danh tộc họ Nguyễn, triều Lê (niên hiệu Cảnh Hưng 1740-1786). Khi ấy, khắp vùng phủ Quy Hóa, nhất là châu Thủy Vĩ và châu Văn Bàn luôn bị giặc cướp phá. Trước tình hình đó, triều đình cử danh tướng thứ Bảy họ Nguyễn lên trấn thủ vùng biên ải, ông đem quân tiến dọc sông Hồng đánh đuổi quân giặc, giải phóng châu Văn Bàn và củng cố xây dựng Bảo Hà thành căn cứ lớn mạnh.

Trong một trận chiến đấu không cân sức với quân giặc, Ông đã anh dũng hy sinh, thi thể ông trôi theo sông Hồng tới Bảo Hà thì dạt vào bờ. Do có công với dân, nhân dân trong vùng đã xây dựng đền thờ để ghi nhớ công ơn ông.

Ông Hoàng Mười được thờ ở Bến Củi, bên bờ sông Lam, Hà Tĩnh, tướng đời Lê Thái Tổ (có ý kiến cho rằng ông là tướng Nguyễn Xí). Theo truyền thuyết ở vùng Nghệ An, ông được vua Lê giao trấn thủ Nghệ An. Ông vừa có

công dẹp giặc, vừa có công chăm sóc, vỗ về dân chúng làm ăn, khai mở lưu thông buôn bán với mọi miền. Nhờ vậy, mà đời sống nhân dân ngày càng thêm no ấm. Một năm kia, giặc ngoại bang tràn vào, ông đã xông pha trận tiền, đốc thúc binh lính dẹp tan giặc, giữ yên bờ cõi. Khi thắng giặc trở về thì một trận cuồng phong ập đến, nhà cửa dân chúng đổ nát, hư hỏng nhiều vô kể. Thương dân, ông cùng binh sĩ lên ngàn chặt tre, đốn gỗ đưa về giúp dân. Một lần không may, khi bè xuôi về đến chân Ngàn Hồng (Hồng Lĩnh), núi Ngũ Mã thì cuồng phong lại ập đến làm vỡ bè. Ông gặp nạn. Quân sĩ và dân làng chưa kịp mai táng thì mối đã đùn lên đắp thành mộ. Mộ mỗi ngày một to lên trông thấy. Cảm phục và biết ơn ông, dân trong vùng đã lập đền thờ ông ở núi Ngũ Mã. Thác rồi, ông vẫn linh thiêng, thường hiển Thánh cứu giúp muôn dân. Cũng trên đất xứ Nghệ, Ông Hoàng Mười còn được nhân dân đồng nhất với những nhân vật lịch sử nổi tiếng, gắn bó với vùng quê này như Uy Minh Vương Lý Nhật Quang, con trai thứ 8 của Lý thái Tổ ...

Tại điện Tứ Phủ ở Đền Nghè, Hải Phòng, đại diện Tứ Phủ Quan hoàng được thể hiện : ở bên trái nhà bái đường có ban thờ ông Hoàng Mười. thượng ngồi trong khám thờ sơn son thiếp vàng, có hai tượng cô, cậu chầu hai bên. Ông Hoàng Bảy được thờ ở bên phải bái đường. Cũng như ông Hoàng Mười, ông Hoàng Bảy ngồi trong khám thờ sơn son thiếp vàng, có hai tượng Cô, Cậu chầu hai bên. Cả hai ông là chỗ dựa tin cậy, phò vua giúp nước an dân. Các ông được nhân dân tin yêu và là niềm tự hào của người dân.

Tứ Phủ Thánh cô và Tứ Phủ thánh cậu là thứ bậc thấp nhất, những người hầu phụ tá – các vị là lực lượng rất mực tôn trọng Mẫu, thường quần tụ bên Mẫu ...

Ban thờ Sơn Trang thể hiện hình ảnh động đá. Trung tâm động đặt tượng bà chúa Sơn Trang, theo hầu bà chúa Sơn Trang có 12 tiên cô giúp việc, bố trí khắp sơn động.

Ban thờ Trần triều thờ Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn. Trần Hưng Đạo đương thời là Quốc công tiết chế, tổng chỉ huy quân đội Đại Việt. Cùng với

vua tôi nhà Trần, ông đã chỉ huy quân dân Đại Việt ba lần đánh bại quân xâm lược Nguyên – Mông thế kỷ XIII. Vua Trần đã gọi ông là Thượng quốc công, ví ông với Lã Vọng giúp Chu Vũ Vương. Vua Trần phong cho ông là Hưng Đạo Đại Vương.

Trong văn hóa dân gian, Trần Hưng Đạo là vị thánh giữ sự trong sáng cho đời và có “phép” trừ tà ma quỷ quái, nhân dân tôn kính tôn xưng là “Trần triều hiển Thánh” (vị thánh hiển dưới triều Trần). Thần tượng đặt trong khám thờ, đầu đội mũ cánh chuồn, mặc võ phục, tay đặt trên đầu gối.

2.3.6. Giá trị của di tích lịch sử văn hóa Đền Nghè

2.3.6.1. Giá trị nghệ thuật

Buổi đầu, đền Nghè mới chỉ là một ngôi miếu nhỏ lợp gianh nửa, năm 1919, toà Hậu cung của đền được xây dựng, năm 1925, toà hậu cung được trùng tu, đến năm 1926, toà Tiền Bái được xây dựng. Đây là một tổng thể di tích lịch sử gồm voi đá, ngựa đá, sập đá, bia đá ghi tiểu sử bà Lê Chân và các toà kiến trúc thể hiện nghệ thuật điêu khắc rất điêu luyện mang tính truyền thống của nhiều thế kỷ trước. Toà bái đường gồm 5 gian được nâng đỡ bởi 16 cột lim, kê trên 16 viên đá tảng đục đẽo công phu, tỉ mỉ. Chính giữa nóc nhà bái đường đắp nổi hàng chữ Hán lớn An Biên cổ miếu. Hậu cung gồm 3 gian, xây cao hơn nhà bái đường với thiết kế kiểu 2 tầng mái, làm tăng thêm sự bề thế, uy nghi của công trình. Nét đặc sắc của kiến trúc đền Nghè là nghệ thuật chạm khắc trên gỗ, đá. Với các đề tài long ly quy phượng, tùng cúc trúc mai... thể hiện kỹ thuật chạm khắc bong hình, chạm nổi, chạm chìm đạt đến trình độ tinh xảo. Hiện nay, đền Nghè còn bảo tồn được nhiều tác phẩm điêu khắc trên đá rất có giá trị. Điển hình là tấm bia đá có kích thước lớn được tạc vào thời Nguyễn, ghi tiểu sử của nữ tướng Lê Chân. Toà bái đường treo khánh đá chạm nổi đề tài vũ hội long vân đường nét tinh vi, mềm mại, uyển chuyển. Ở toà thiêu hương có chiếc sập đá đồ sộ, tạo bằng khối đá liền, chạm nổi hình chim, thú, hoa, lá rất công phu. Tại toà hậu cung, tượng Nữ tướng ngồi trên ngai thờ, đặt trong một khám lớn sơn son, thếp vàng với dáng vẻ uy nghi, đôn hậu, xinh đẹp.

2.3.6.2. Giá trị lịch sử

Di tích lịch sử văn hóa Đền Nghè là một chứng tích quan trọng trong việc xây dựng lên địa bàn vùng đất An Biên bây giờ. Di tích còn gắn liền với những câu chuyện kể lịch sử mang tính huyền tích nhưng lại chân thật phản ánh cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp xâm lược (tháng 4 năm 1874). Công trình kiến trúc Đền Nghè còn là kết quả của quá trình xây dựng và tu sửa của dân làng An Biên. Điều đó thể hiện tinh thần đoàn kết, tương trợ cùng vì công việc chung của làng và cùng góp sức chống lại thế lực ngoại xâm.

2.3.6.3. Giá trị nhân văn

Tín ngưỡng thờ mẫu ở nước ta là một tín ngưỡng bản địa mạnh mẽ từ thời nguyên thủy với vai trò của người phụ nữ trong xã hội mẫu hệ. Ban đầu tín ngưỡng này thờ các thần nông nghiệp thông qua các pháp-phép (vân, vũ, lời, điệu) để phù giúp cho nông nghiệp. Sau này do sự du nhập của Phật giáo nên phát triển thành tín ngưỡng thờ Mẫu thần. Tín ngưỡng thờ mẫu với ý nghĩa là người mẹ có quyền năng sinh sôi, bảo tồn và che chở cho con người đã tồn tại trong dân gian Việt Nam từ xa xưa. Tại di tích đền Nghè hình tượng Mẫu không chỉ có quyền năng của một người mẹ mà Nữ tướng Lê Chân đã có công giết giặc, cứu nước và lập đất, lập nên trang An Biên – tiền thân của thành phố Hải Phòng. Những công việc đó vốn dĩ là của đấng nam nhi hay của những vị thần, vị thánh nhưng Bà một nữ nhi, là một nhân vật lịch sử có thật đã làm nên những câu chuyện huyền thoại ghi dấu chiến công oanh liệt.

Tam tòa thánh mẫu và Tứ Phủ công đồng là hệ thống sáng tạo thể hiện thế giới quan và nhân sinh quan sơ khai của người Việt. Khi bước chân vào cửa đền mọi người đều có chung một niềm tâm trạng đó là lòng thành kính, biết ơn, giáo dục con người ta đạo lý uống nước nhớ nguồn.

2.4. Lễ hội Đền Nghè

Để nhớ đến công lao của Nữ tướng Lê Chân, từ xa xưa nhân dân Hải Phòng tổ chức nhiều hoạt động lễ hội tại đền Nghè để bày tỏ lòng ngưỡng vọng và biết ơn một vị tướng tài ba, tâm phúc của triều đại Trung Vương. Trong số

nhiều hoạt động lễ hội thì lễ Thánh Đản (lễ hội đền Nghè) được tổ chức long trọng và quy mô hơn cả. Những giá trị tinh thần đó trải qua thời gian được kết tinh lại thành giá trị văn hóa vô giá của dân tộc nói chung và trong tâm thức nhân dân thành phố Hải Phòng nói riêng, tiếp nối lưu truyền trong dân gian từ đời này qua đời khác, từ thế hệ này qua thế hệ khác.

2.4.1. Tên gọi, xuất xứ của lễ hội

Lễ hội đền Nghè có tên gọi là lễ Thánh đản tức là ngày Thánh được sinh ra.

2.4.2. Không gian và thời gian tổ chức lễ hội

Lễ hội diễn ra từ ngày mùng 7 đến ngày mùng 10 tháng 2 Âm lịch hàng năm. Đây cũng là dịp để tưởng nhớ ngày sinh của Thánh Chân Công chúa (ngày mùng 8 tháng 2 Âm lịch)

Gắn liền với không gian lễ hội làng An Biên là các di tích: Đình An Biên và đền Nghè. Đình là không gian chính diễn ra hội làng, miếu là nơi thờ thánh và nơi xuất phát lễ rước anh linh thần về đình bái tế an vị. Tuy đình là nơi diễn ra các hoạt động chủ yếu của lễ hội nhưng thánh ngự tại đền Nghè vì vậy mà tại đền Nghè các nghi lễ được cử hành trang nghiêm, kính cẩn.

2.4.3. Mục đích, lý do tổ chức lễ hội

Đây là một trong những lễ hội lớn nhất từ trước tới nay của địa phương, một sự kiện quan trọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong quận, thể hiện trách nhiệm và lòng thành kính của các thế hệ con cháu hôm nay, góp phần tôn vinh công đức của Nữ tướng Lê Chân. Việc tổ chức thành công lễ hội không chỉ đáp ứng niềm mong mỏi của nhân dân địa phương, mà qua đó còn góp phần ôn lại truyền thống, giáo dục con cháu lòng yêu nước, đạo lý uống nước nhớ nguồn, tự hào dân tộc và trách nhiệm của mỗi người dân đối với quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và đất nước Việt Nam.

2.4.4. Nội dung của lễ hội

2.4.4.1. Lễ hội truyền thống

*** Phần lễ**

Trước khi tiến hành Lễ Thánh đản, nhân dân trong làng cử ra một ban hành lễ để điều hành lễ hội. Theo truyền thống trọng xỉ, những người trong Ban hành lễ là các cụ cao tuổi trong làng và các vị chức sắc hàng Tổng (Chánh tổng, Phó Chánh tổng) và xã (Lý trưởng, Tiên chỉ). Những người tham gia trong thời gian lễ hội phải kiêng kị nhiều điều: gia đình không có tang ma, con cái song toàn, mạnh khỏe, kiêng kị chuyện chẵn gối...

Ngày mùng 7 tháng 2 nhân dân thực hiện Lễ Nhập tịch (còn gọi là Lễ vào đám). Lễ vào đám là lễ chuẩn bị cho ngày chính lễ. Thủ từ biện lễ cáo thần xin phép được chuẩn bị cho ngày chính hội. Thủ từ cùng những người trông coi đền chỉ đạo việc quét dọn vệ sinh khu đền, loại bỏ những đồ hư hỏng trong đền, sửa chữa bổ sung các trang thiết bị cần thiết phục vụ lễ hội, lau dọn nhà đền, bao sai đồ tế khí :chấp kích, bát biểu, kiệu... Việc bao sai đồ tế khí phải dùng nước sạch, khăn lau để tẩy uế.

Trong ngày mùng 7, Thủ từ làm Lễ Mộc dục (Lễ tắm tượng), một nghi lễ quan trọng trong Lễ Vào đám. Thủ từ thắp nhang, gieo quẻ âm dương để âm dương để xem thần có ưng trì cho việc làm Lễ Mộc dục không. Nếu được đồng ý (bằng quẻ âm dương), Thủ từ sẽ đưa tượng ra tòa Đại bái hoặc ra sân. Nước tắm tượng do một trai đình bới ra giữa dòng sông Tam Bạc lấy chước đựng nước, sau đó rước về bao sai tượng, sau khi tắm tượng , dùng nước thơm (ngũ vị hương) để xông, thay áo mới cho thần tượng. Dân gian gọi đó là Lễ Mộc dục (tắm tượng)với hi vọng thần tượng mới sẽ mang lại nhiều phúc ảm cho nhân dân.

Đồng thời với việc làm Lễ nhập tịch, mọi công việc chuẩn bị về người, cơ sở vật chất cho lễ hội cũng được hoàn tất trong ngày mùng 7.

Sau khi tiến hành Lễ Mộc dục là Lễ Cáo yết. Lễ Cáo yết là lễ báo cáo với thần linh mọi công việc chuẩn bị đã hoàn tất để chuẩn bị cho ngày chính lễ. Lễ vật dùng trong Lễ Cáo yết gồm 2 mâm xôi, 2 con gà.

Lễ Tế là nghi lễ trang nghiêm và long trọng nhất tại Đền Nghè. Lễ vật do Cai đám của năm đó phụ trách, chủ yếu là lợn, mỗi con khoảng 70kg. Lợn thờ được làng phân công cho Cai đám năm đó nuôi. Lợn phải được chọn và nuôi cẩn thận, phải gọi là ông lợn (lợn tế thánh), và phải được ăn theo chế độ riêng, khác lợn nuôi thường. Đến ngày Vào đám sẽ được tắm sạch sẽ, thả riêng. Lợn nuôi phải đủ cân, nếu thiếu cân nào, Cai đám năm đó phải chịu trách nhiệm, phải đền tiền cho làng là 5 hào, một chân rượu. Lợn được thịt lấy đầu và đuôi để biện lễ trên nhang án. Ngoài đình, nhân dân còn làm Lễ Mao huyết (tế máu và long gáy của lợn để tẩy uế khai quang). Ngoài lễ phẩm, Ban hành lễ cử người viết văn tế, thường do một người hay chữ, có uy tín trong làng viết (các thầy cúng hay các ông nghè). Văn tế ca ngợi công đức của vị thánh, thể hiện được ước muốn của nhân dân hướng lên Lê Thánh Công chúa để được ban ơn mưa cho mùa màng bội thu, hải vật phong phú, cầu mong sự phù trì để nhân dân ấm no, quốc thái, dân an, nhân khang vật thịnh.

Khi lễ vật đã hoàn tất, trước khi rước về Đình An Biên, Ban hành lễ tổ chức tế tại đền Nghè. Ban tế gồm 17 người; một Hội chủ, 1 Đông xướng, 1 Tây xướng, 12 Chấp sự chia đều đứng hai bên. Ban hành tế được bố trí dọc theo trục thần đạo hai bên nhang án, dưới đất trải chiếu.

Lễ đầu tiên là Lễ trình. Lễ trình bắt đầu khi Đông xướng hô: “Khởi chiêng cổ”, lúc này 2 Chấp sự đánh 3 hồi trống, 3 hò chiêng, Đông xướng tiếp xướng: “Quán tẩy sở” thì vị Chủ tế tiến hành rửa tay vào chậu nước thơm sẵn có, tiếp đến Đông xướng hô; “Phé cân”, vị Chủ tế tiến hành lau tay chuẩn bị lam lễ. Tiếp hô: “Nghệ hương tiền” thì vị Chủ tế lên chiếu đầu tiên chấp tay. Tiếp hô; “Thượng hương”: hai người bồi bái thấp nển và thấp hương đặt trên nhang án, bước tiên lên và lui xuống đều hướng về phía trước, không được quay lưng lại. Trong nhiều lễ, Ban hành lễ tiến thoái theo chữ “á”. Tiếp hô: “Nghênh Hoàng

Đế cức cung Nam Hải uy linh Thánh Chân Công chúa cức cung bái”. Chủ tế quỳ xuống bái 5 bái, Bồi tế cũng bái theo. Tây xướng hô: “Hung”, Chủ tế và Bồi bái đứng dậy tại vị. Đông xướng hô: “Bình thân phục vị”. Mỗi một tư thế cử động đều có nhạc (trống, chiêng) kèm theo làm nền cho lễ tế. Lễ trình xong.

Tiếp theo là Lễ Tiên phẩm. Vào lễ, Đông xướng: “Nhang hoa tiên cúng”. Hội chủ đánh 3 tiếng trống, 2 Bồi tế dâng hoa theo lễ trình: tiếng thứ nhất: Đặt tay vào vật phẩm; tiếng thứ hai: Đưa ra trước mặt; tiếng thứ 3: Dâng lên đầu. Theo nhạc điệu, các Bồi tế tiến lên dâng hoa trước nhang án rồi trở lại (phục vị), tiếp theo tuần tế dâng hoa là tuần tế dâng trà theo tuần tự như dâng hoa. Xong cả 3 tuần, Chủ tế tạ; “Hoàng đế cức cung bái” rồi bái 5 bái, sau đó cả Đoàn tế vào bái 5 bái. Lễ tất.

Sau khi lễ tế tại Đền Nghè kết thúc, đoàn rước sẽ đưa bát nhang từ Đền Nghè lên kiệu để rước về đình An Biên. Trước khi kiệu khởi hành, từ Đền Nghè, trống chiêng đánh liên hồi để mọi người biết được chuẩn bị tham gia. Khi rước kiệu ra khỏi đền, kiệu dừng lại một hồi để mọi người xếp vào hàng. Thứ tự rước đi như sau:

Đi đầu là cờ hiệu, sau đó là 5 cờ đuôi nheo, màu sắc theo Ngũ hành: Cờ màu vàng, cờ màu đỏ, cờ màu xanh, cờ màu trắng và cờ màu đen. Những người vác cờ do làng cắt cử đều là những trai tráng khỏe mạnh, mặc trang phục áo nâu. Tiếp theo cờ ngũ hành là trống cái to do 2 người khiêng, một người đánh trống (gọi là Thủ hiệu). Đây cũng là người chỉ huy nhạc điệu của đoàn rước và có người che lọng. Tiếp đến là chiêng do 2 người vác và một người đánh. Trống và chiêng sẽ giữ nhịp cho đám rước. Tiếp theo là những người rước bát biểu và bộ chấp kích, phía sau người rước bát biểu là 2 người đi song song mang biển: “Tĩnh túc” (giữ nghiêm trang) và biển: “Hồi ty” (thấy thì phải quay đầu tránh). Những người mang bát biểu và chấp kích đều là những trai đinh khỏe mạnh mặc trang phục áo nâu song giống những người vác cờ. Sau đoàn vác biểu là phường đồng văn gồm: Một người cai cầm trống khẩu, một người cầm thanh la, hai người cầm sênh tiền, 4 người đánh trống bản ngũ hồi. Sau phường đồng văn là

một người mặc áo thụng xanh, vác cò thêu chữ “lệnh”. Tiếp theo là phường bát âm gồm: đàn, sáo, nhị,... Sau phường bát âm là kiệu hương. Trên kiệu đặt bát nhang hoặc trầm hương và lễ vật là mâm hoa quả. Tiếp theo kiệu hương là kiệu võng do các trinh nữ mặc áo đỏ thay nhau khiêng kiệu. Sau kiệu võng là kiệu thánh . Kiệu thánh là trung tâm của đoàn rước do tám trai đình khỏe mạnh khiêng. Tiếp theo kiệu là các đoàn tế nam, đoàn tế nữ của các địa phương lân cận tham gia, các chức sắc, bô lão đi theo hộ giá, sau là nhân dân tham gia đông đảo. Theo quy định từ xa xưa, đoàn rước đi từ đền Nghè, qua lối Cầu Đất rẽ vào Cát Dài để vào đình An Biên. Thời gian rước khoảng một canh giờ.

Kiệu thánh rước về tế an vị tại đình An Biên, ban hành lễ tiếp tục thực hiện lễ tế , đọc chúc văn và hóa chúc.

***Phần hội**

Sau khi phần lễ xong , các trò chơi diễn ra sôi nổi tiêu biểu như: trò đấu vật, trò chơi pháo đất, đánh phết, đánh cờ,... Các trò chơi này gắn với xuất xứ từ lúc sinh thời của Nữ tướng nhằm tập luyện sức khỏe và giải trí ngoài giờ thao trường của quân lính và được dân gian hóa và duy trì qua nhiều thế hệ, ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân trở thành một dịp lễ hội vui chơi giải trí sau những ngày mưa nắng ngoài đồng.

Trò đấu vật còn gọi là vật đập đất. trước kia Nữ tướng đã cho quân sĩ tập luyện bằng cách đấu vật để rèn luyện sức khỏe , cổ vũ tinh thần và xung khí chiến trận. Trong thời bình, vật là hoạt động dân gian mua vui cho dân chúng. Các đô vật là các trai đình khỏe mạnh trong giáp đẳng kí tham dự.

Đánh phết là một trò chơi dân gian phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Tương truyền Nữ tướng Lê Chân qua vùng Tam Nông (nay thuộc tỉnh Phú Thọ) thấy trẻ em chơi trò này Bà đã về An Biên bày lại cho mọi người chơi. Người tham gia chơi cầm một chiếc gậy tre cong một đầu, hoặc đẽo vát một đầu đánh vào quả cầu để đưa cầu đi. Gậy đó gọi là gậy phết quả cầu đó gọi là quả phết. Những người chơi phết chia làm hai bên, số người tham gia không hạn chế,

thường là 10 người. Ở mỗi đầu bãi phết có một cái hố tròn sâu từ 40 – 50 cm, bên nào đánh được quả phết vào lỗ là thắng cuộc.

Ngoài ra còn có hội thi hoa Thủy Tiên là một nét đẹp văn hóa của nhân dân Hải Phòng. Theo nguồn tư liệu của Hội hoa cung cấp từ năm 1920 đến 1943 hằng năm đền Nghè đều mở Hội thi hoa Thủy Tiên. Chỉ những dòng thủy Tiên có cánh trắng mới được tham dự thi để dâng cúng nữ anh hùng vào ngày Thánh Đản của nữ tướng.

2.4.4.2. Lễ hội hiện đại

*** Phần lễ**

Về công tác chuẩn bị cho lễ hội ban tổ chức đã phối hợp cùng các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Giao thông Vận tải; Công ty Điện lực Hải Phòng, Công viên cây xanh, Môi trường đô thị Hải Phòng; Lãnh đạo Bảo tàng Hải Phòng; Đoàn chèo; Trung tâm triển lãm mỹ thuật thành phố; Lãnh đạo Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận; Trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc quận; Các đồng chí Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ban quản lý các cơ sở tín ngưỡng 15 phường để tổ chức thành công lễ hội. Phần lễ bao gồm các hoạt động: lễ cáo yết, dâng hương; tế nữ quan, lễ rước; lễ tạ

Lễ cáo yết là việc báo cáo những hoạt động về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của thành phố, những việc đã làm được và những việc đề xuất sẽ làm trong năm tới. Trong cuộc sống hiện đại đây là việc tiếp nối sự nghiệp của nữ tướng Lê Chân xây dựng thành phố Hải Phòng thêm giàu mạnh.

Sau lễ cáo yết là lễ dâng hương – tên gọi khác của lễ trình trong lễ hội truyền thống. Lễ dâng hương được tiến hành đơn giản hơn lễ trình. Khi có trống và nhạc điệu thì người chủ sự (trưởng ban tổ chức) – Chủ tịch UBND thành phố Phạm Tiến Du lên thắp hương trên nhang án. Tiếp theo là lễ dâng hương của lãnh đạo các ban ngành, những người có vị trí quan trọng trong lễ hội.

Sau khi lễ dâng hương kết thúc là lễ tế nữ quan diễn ra tại đền Nghè và đình An Biên vào sáng ngày 7-2 Âm lịch theo đúng nghi thức truyền thống

Trước khi tiến hành lễ hội nhân dân địa phương cùng ban tổ chức cử ra một Ban hành lễ để điều hành lễ hội. Theo truyền thống trọng xỉ những người trong Ban hành lễ là các cụ cao tuổi hoặc những người có địa vị. Những người tham gia trong thời gian diễn ra lễ hội phải kiêng kị nhiều điều: gia đình không có tang ma, con cái song toàn, mạnh khỏe...

Đầu tiên là phần tế nữ quan diễn ra tại Đền Nghè và đình An Biên sáng 7-2 Âm lịch theo đúng nghi thức truyền thống. Lễ phẩm trong lễ tế là một con lợn được thit lấy đầu và đuôi để biện lễ trên nhang án. Ban hành lễ còn cử người viết văn tế, thường do người hay chữ viết là các thầy cúng hay ông nghè. Văn tế ca ngợi công đức của vị thánh, thể hiện ước muốn của nhân dân hướng lên Lê Thánh Công chúa để được ban ơn mưa cho mùa màng bội thu, hải vật phong phú, cầu mong sự ấm no cho nhân dân, quốc thái dân an, nhân khang vật thịnh

Khi phần tế thực hiện xong là phần lễ rước, có 2 đoàn tiến hành từ 6 giờ sáng ngày 8-3, một đoàn theo hành trình từ Đền Nghè ra đường Nguyễn Đức Cảnh, rẽ qua quán hoa, đường Quang Trung đến Tượng đài Nữ tướng Lê Chân; một đoàn khởi hành từ đình An Biên ra đường Hai Bà Trưng, Cát Cụt, Nguyễn Đức Cảnh về quảng trường Tượng đài Nữ tướng Lê Chân. Các đoàn rước đều có đội múa lân, cờ đỏ sao vàng, cờ hội, trống, chiêng, đoàn bát biểu, kiệu Long Đình; đoàn nhạc bát âm, đoàn tế nữ quan, đoàn dâng lễ, đoàn phụ nữ, đoàn cựu chiến binh và đoàn lãnh đạo, cán bộ, giáo viên, cơ sở tín ngưỡng và nhân dân các phường...

Kết thúc là phần lễ tạ, sau đó là màn đánh trống khai hội, đọc chúc văn, biểu diễn trống hội, múa lân sư...

***Phần hội**

Phần hội hấp dẫn bao gồm nhiều hoạt động như thi thể dục dưỡng sinh của Hội người cao tuổi; thi cắm tia hoa của Hội phụ nữ quận cùng các tiết mục hát ca trù, chèo cổ, nhạc cụ dân tộc, kịch... Hội thi cắm tia hoa là bắt nguồn từ hội thi hoa Thủy Tiên của lễ hội truyền thống. Ngoài ra còn có các trò chơi dân gian như: đấu vật, đánh phết, đánh cờ...

2.3.5. Giá trị của lễ hội

*** Giá trị nhân văn**

Lễ hội là dịp để con người có dịp trở về nguồn cội. Dẫu là nguồn cội tự nhiên hay nguồn cội dân tộc thì đều có ý nghĩa tâm linh thiêng liêng trong tâm thức người Việt. Tùy từng địa phương mà mỗi lễ hội mang một nét tiêu biểu và giá trị riêng, nhưng thường là hướng tới một đối tượng linh thiêng được nhân dân suy tôn như anh hùng chống ngoại xâm, chống thiên tai, diệt trừ ác thú, người có công dạy dỗ truyền nghề, giàu lòng cứu nhân độ thế...

Lễ hội mùa xuân là thời điểm hội tụ sức mạnh của cộng đồng Việt, ngưng kết nhiều ý nghĩa và biểu tượng văn hóa đã được trao chuyển từ đời này qua đời khác.

Chúng ta tìm thấy trong lễ hội đền Nghè là sự linh thiêng và cả ánh hào quang chiến thắng của những cuộc chiến tranh vệ quốc trong quá khứ, những tầng sâu của nền văn minh lúa nước, những ứng xử của con người đối với tự nhiên và sự giao hòa của con người với thiên nhiên cũng như những khao khát, ước vọng của con người về một cuộc sống thái hòa.

Lễ hội chính là một phần của văn hóa và đạo đức của toàn xã hội, người ta đến với lễ hội không chỉ để cầu xin mà còn để thể hiện niềm tôn kính, ngưỡng vọng đối với các vị anh hùng dân tộc, giáo dục con người lòng yêu nước, tự hào dân tộc và đạo lý uống nước nhớ nguồn.

*** Giá trị cộng đồng**

Lễ hội là chất kết dính tạo nên sức mạnh tập thể của những người tham gia lễ hội và của cả người dân thành phố Hải Phòng. Thông qua việc cùng tổ chức lễ hội, cùng chung một đối tượng tín ngưỡng thờ là nữ tướng Lê Chân người dân Hải Phòng thắt chặt tình đoàn kết để cùng vì công việc chung là tổ chức thành công lễ hội, cùng hưởng lợi ích chung.

*** Giá trị cân bằng đời sống tâm linh**

Đến với lễ hội đền Nghè mọi người đều có chung một tâm niệm là để tưởng nhớ, biết ơn đến người đã lập ra đất hải Phòng ngày nay. Lễ hội đã thỏa

mãn nhu cầu đời sống tâm linh của con người đó là nhu cầu về sự thành khẩn cầu xin thần linh ban phát cho những điều tốt đẹp, may mắn..

*** Giá trị bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc**

. Lễ hội là nơi để lưu giữ và bảo tồn những nét văn hóa truyền thống của dân tộc đó là văn hóa về ăn mặc, văn hóa về cách ứng xử, văn hóa về truyền thống yêu nước,... đều được tái hiện trong lễ hội.

Thông qua lễ hội tăng cường quảng bá các điểm du lịch tâm linh các tỉnh, thành phố khu vực đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là thành phố Hải Phòng, thành phố đăng cai tổ chức Năm Du lịch quốc gia Đồng bằng sông Hồng 2013 và tiếp tục phát huy giá trị di tích lịch sử cấp quốc gia Đền Nghè

2.5. Tiểu kết chương 2

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, kinh tế xã hội, Hải Phòng hấp dẫn du khách bởi điểm đến an toàn, sự nhiệt tình và lòng mến khách. Tuy nhiên điều kiện tiên quyết để làm nên sức hút du lịch của thành phố chính là đối tượng du lịch. Để đánh giá đối tượng du lịch một cách chính xác thế mạnh và điểm yếu là việc nêu ra những thực trạng của đối tượng du lịch đó. Đối với di tích và lễ hội đền Nghè việc nêu ra thực trạng đã phần nào đóng góp vào công tác điều tra nghiên cứu để từ đó có những giải pháp cụ thể cho từng mặt hạn chế. Ngoài những mặt tích cực thì di tích và lễ hội còn có nhiều hạn chế, để khắc phục được những hạn chế đó các cơ quan chức năng cần có những biện pháp khắc phục để phát triển du lịch văn hóa nhưng vẫn giữ được các giá trị nguyên gốc của nó.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC HIỆU QUẢ DI TÍCH VÀ LỄ HỘI ĐỀN NGHÈ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

3.1. Giải pháp khai thác di tích lịch sử văn hóa Đền Nghè

3.1.1. Kết hợp với các tuyến điểm du lịch khác để xây dựng chương trình du lịch theo chuyên đề

Trong những năm tới, thành phố Hải Phòng tập trung huy động các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa thu hút vốn đầu tư phát triển hạ tầng du lịch theo hướng hiện đại, đồng bộ, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch. Để làm được điều đó cần phải có những chương trình du lịch hấp dẫn du khách, là cơ sở để quảng bá hình ảnh của thành phố Hải Phòng nói riêng và của cả nước nói chung.

Sau đây là một số tour có thể khai thác:

Chương trình 1: Hải Phòng city tour (1/2 ngày)

07h00: Xe ô tô đón đoàn tại điểm hẹn, hướng dẫn viên kiểm tra lại danh sách đoàn, thông báo lịch trình sau đó khởi hành thăm thành phố.

07h30: Quý khách có mặt tại di tích lịch sử văn hóa đền Nghè nơi thờ Nữ tướng Lê Chân người đã có công lập ra làng An Biên xưa, tức Hải Phòng ngày nay để dâng hương, tham quan và nghe thuyết minh về ngôi đền.

08h30: Sau khi rời khỏi đền Nghè quý khách đi bộ khoảng trăm mét là có thể được chiêm ngưỡng tượng đài Nữ Tướng Lê Chân, tượng được đúc bằng đồng và là một trong hai pho tượng lớn nhất Việt Nam, sau tượng Hưng Đạo Vương của Trần Quốc Tuấn (Nam Định). Tượng đài nằm ngay trung tâm trước mặt là vườn hoa Lê Chân, tại đây hướng dẫn viên sẽ đưa đoàn đi thăm quan những kiến trúc tiêu biểu của thành phố như: Nhà hát lớn thành phố, Quán hoa, hệ thống đài phun nước nghệ thuật, vườn hoa Nguyễn văn trỗi. Hướng dẫn viên dành thời gian để khách tự do thăm quan và chụp ảnh kỉ niệm.

09h30: Hướng dẫn viên đưa đoàn đi bộ để thăm phố Hải Phòng với những kiến trúc độc đáo với những gian hàng buôn bán sầm uất. Điểm dừng

chân của quý khách là chợ Tam Bạc và chợ Sắt để thăm quan mua sắm những mặt hàng gia dụng về cho gia đình và người thân.

11h00: Đoàn lên xe trở về điểm khởi hành. Hướng dẫn viên chia tay đoàn

Giá tour cho mỗi khách là 120.000VND/khách

Giá trên bao gồm:

1. Phương tiện vận chuyển hiện đại đảm bảo an toàn, thuận tiện
2. Hướng dẫn viên nhiệt tình, có trình độ chuyên môn
3. Ăn chính 80.000VND/bữa
4. Vé thăm quan
5. Bảo hiểm du lịch
6. Phục vụ một chai nước và một khăn lạnh/khách

Giá trên bao gồm thuế VAT

Chương trình du lịch trên đây dành cho tất cả các đối tượng khách nhưng phù hợp nhất dành cho đối tượng khách là học sinh, sinh viên. Chỉ với ½ ngày và giá tour rẻ quý khách được tận hưởng hai loại hình du lịch đó là du lịch tâm linh và du lịch mua sắm.

Chương trình 2: Tìm về nguồn cội (tham gia lễ hội đền Nghè kết hợp tham quan, nghiên cứu, tìm hiểu các công trình tưởng niệm nữ tướng Lê Chân)

07h00: Xe ô tô đón đoàn tại điểm hẹn, hướng dẫn viên kiểm tra lại danh sách đoàn, thông báo lịch trình sau đó khởi hành bắt đầu chương trình tour

07h30: Có mặt tại quảng trường tượng đài nữ tướng Lê Chân tham gia lễ hội đền Nghè

11h00: Sau khi lễ hội kết thúc nghe hướng dẫn viên thuyết minh về tượng đài nữ tướng Lê Chân.

11h30: Đoàn ăn trưa tại khách sạn gần trung tâm thành phố

13h00: Đoàn khởi hành đi thăm đình An Biên với kiểu kiến trúc cổ nổi tiếng, với cách tạo hình tiêu biểu đạt trình độ điêu luyện, tinh xảo của nghệ thuật đình làng thời Nguyễn thế kỉ XIX

14h30: Đoàn khởi hành đi thăm đền An Biên Biên nơi còn lưu giữ những di vật cổ tiêu biểu gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của nữ tướng Lê Chân

15h30: Di tích lịch sử văn hóa đền Nghè là điểm tham quan cuối cùng của đoàn. Tại đây quý khách được nghe thuyết minh về công lao to lớn của nữ tướng Lê Chân và kiến trúc độc đáo của di tích.

Giá tour cho mỗi khách là 200.000VND/khách

Giá trên bao gồm:

1. Phương tiện vận chuyển hiện đại, đảm bảo an toàn, thuận tiện
2. Hướng dẫn viên nhiệt tình, có trình độ chuyên môn
3. Ăn chính 85.000VND/bữa
4. Vé thăm quan
5. Bảo hiểm du lịch
6. Phục vụ một chai nước và một khăn lạnh/khách

Giá trên bao gồm thuế VAT

Đến với tour du lịch này quý khách không chỉ được tham dự một lễ hội truyền thống sôi nổi, hào hùng mà còn được đắm chìm trong không gian linh thiêng, thanh thoát tại các đình, đền thờ nữ tướng Lê Chân. Đây là tour dành cho những người muốn tìm hiểu, nghiên cứu về các công trình tưởng niệm nữ tướng Lê Chân đồng thời là quá trình tìm về nguồn cội của con cháu, dòng tộc họ Lê ngày nay.

3.1.2. Giải pháp về công tác quản lý

Hoạt động du lịch có tính chất đa ngành, liên ngành nên đòi hỏi sự thống nhất, phân công phân nhiệm rõ ràng đến từng ban ngành, từng bộ phận, với mục đích tránh tình trạng khi có sự cố xảy ra thì không thể quy trách nhiệm được cho cơ quan nào để từ đó có những biện pháp xử phạt “đúng người đúng tội”.

Mặt khác dựa trên cơ sở các nhiệm vụ, chức năng quản lý Nhà nước của từng cấp từng ngành cần phải sớm kiện toàn bộ máy quản lý các hoạt động du lịch từ trên xuống nhằm tạo ra sự thống nhất trong việc quản lý, có thể xây dựng một môi trường hoạt động thuận lợi cho việc phát triển du lịch, thu hút ngày

càng nhiều khách trong và ngoài nước. Đây là giải pháp mang tính chất vĩ mô cho việc hoàn thiện bộ máy quản lý du lịch. Bên cạnh đó cần có những biện pháp cụ thể để quản lý trực tiếp hoạt động du lịch.

- Đề ra những quy định xử phạt cụ thể đối với những hành động xâm phạm di tích như trộm cắp, tuyên truyền xấu về di tích,...

- Đề ra quy định, biện pháp quản lý hiệu quả tiền công đức, tiền giọt dầu để đầu tư, tu bổ di tích. Hòm công đức phải được đặt đúng chỗ không được tùy tiện đặt hòm công đức ở những nơi không đúng quy định

3.1.3. Giải pháp về đầu tư

Bộ Văn hóa thể thao và du lịch cần giành vốn đầu tư có hiệu quả cho di tích về việc nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng của di tích bởi vì tài nguyên du lịch có hấp dẫn đến mấy nhưng cơ sở hạ tầng yếu thì cũng không thu hút được nhiều khách du lịch

Đầu tư cho các doanh nghiệp lữ hành tổ chức tour về đền Nghè, các doanh nghiệp khách sạn và dịch vụ lưu trú xung quanh khu vực có di tích bằng các biện pháp như ưu đãi về thuế doanh nghiệp, cho vay vốn với lãi suất thấp, cấp đất, cấp nước sạch,...

Về mạng lưới giao thông cần nâng cấp các trục đường ở phường, quận dẫn vào di tích được thuận lợi. Quy hoạch thêm về diện tích để xây dựng bãi đỗ xe cho du khách phục vụ cho việc đi đến di tích được dễ dàng hơn.

3.1.4. Giải pháp về bảo tồn, tôn tạo di tích

Tu bổ di tích không chỉ đơn giản là khôi phục lại như mới một công trình kiến trúc cổ truyền, mà là sự tổng hợp của nhiều mặt hoạt động phức tạp có quan hệ qua lại rất chặt chẽ như: Nghiên cứu, sáng tạo nghệ thuật và quá trình thi công, sản xuất v.v... Công tác tu bổ di tích phải đáp ứng được yêu cầu

- Giữ lại tối đa những yếu tố nguyên gốc của di tích; trên cơ sở khoa học đáng tin cậy khôi phục lại một cách chính xác những yếu tố đã bị thiếu hụt, mất mát trong quá trình tồn tại của di tích; trả lại cho di tích hình dáng vốn có của nó; làm cho di tích có độ bền vững về mặt kết cấu để tồn

tại lâu dài trước tác động của điều kiện khí hậu và thời tiết khắc nghiệt, cũng như thử thách của thời gian.

- Có sự tham mưu đóng góp ý kiến người dân địa phương vì ngôi đình trước kia là của nhân dân lập lên
- Quá trình tu bổ di tích phải được triển khai dưới sự giám sát thường xuyên và nghiêm ngặt của tư vấn giám sát và cộng đồng dân cư nơi có di tích.

Bên cạnh việc tu bổ, tôn tạo thì phải đi đôi với việc bảo tồn:

- Mở các lớp tập huấn về công tác bảo tồn cho cán bộ ngành văn hóa du lịch
- Có chế tài xử lý những vi phạm về bảo tồn: phá hoại tài sản, tuyên truyền văn hóa xấu,...

3.1.6. Tuyên truyền, quảng bá cho di tích

Để hưởng ứng năm du lịch quốc gia khu vực đồng bằng sông Hồng - Hải Phòng 2013 với chủ đề “Văn minh Sông Hồng” khai thác ý tưởng khởi nguồn dòng chảy sông Hồng, đổ về cửa sông, đi qua nhiều vùng đất khác nhau sẽ tái hiện nhiều nét đặc trưng độc đáo của nền văn minh sông Hồng. Trong đó, Hải Phòng sẽ là trung tâm tổ chức các hoạt động văn hoá - du lịch. Qua sự kiện văn hóa trọng đại này Hải Phòng đang phấn đấu để quảng bá hình ảnh của địa phương một cách sâu rộng nhất với những nội dung cơ bản sau đây:

- Tổ chức thực hiện quảng bá rộng rãi về hình ảnh di tích đền Nghè với khách du lịch trong và ngoài nước trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương. Khuyến khích các doanh nghiệp du lịch đầu tư, quảng cáo và đẩy mạnh hoạt động tiếp thị khai thác thị trường trong và ngoài nước, phát hành nhiều ấn phẩm cho lễ hành quốc tế

- Xây dựng tour về Hải Phòng trong đó đền Nghè là đối tượng tham quan chính

- Xây dựng website giới thiệu toàn cảnh về khu di tích đền Nghè, thường xuyên đăng tải những sự kiện, bài viết về di tích để du khách có thể cập nhật và hiểu một cách đầy đủ nhất
- Đa dạng hóa các loại hình ấn phẩm để tuyên truyền giới thiệu về di tích bằng nhiều thứ tiếng khác nhau
- Liên kết với Đài truyền hình Hải Phòng và Trung Ương để xây dựng thước phim tài liệu, video quảng cáo, phát hành các ấn phẩm đĩa CD để giới thiệu cho du khách về di tích
- Bảo quản lưu giữ hồ sơ di tích để làm tư liệu nghiên cứu cho những nhà nghiên cứu, nhà đầu tư...
- Bán các mặt hàng lưu niệm có in logo, hình ảnh, biểu tượng của di tích đền Nghè

3.1.7. Giải pháp về đào tạo

***Đối với cán bộ văn hóa**

Cán bộ văn hóa là những người trực tiếp quản lý các hoạt động diễn ra tại di tích. Là người có quyền tham mưu và đưa ra ý kiến góp phần phát triển di tích. Điều đó chứng tỏ vai trò quan trọng của họ. Chính vì vậy mà các cán bộ văn hóa cần phải có những kiến thức chuyên môn về việc quản lý di tích.

- Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý ngành du lịch và văn hoá được học tập kinh nghiệm quản lý và khai thác tài nguyên tại các nước, các vùng trong khu vực và trên thế giới phục vụ cho phát triển du lịch, bảo tồn di sản văn hoá
- Phải thường xuyên mở các khóa huấn luyện, đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật thường xuyên những cái mới nhưng không bỏ qua cái truyền thống
- Có kỹ năng nhìn nhận và đánh giá nhân viên để tuyển dụng và khen thưởng nhân viên

***Đối với đội ngũ hướng dẫn viên**

- Giáo dục truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc cho hướng dẫn viên để từ đó mới có nguồn cảm hứng để truyền tải những giá trị nhân văn của di tích và lễ hội đền Nghè

- Xây dựng các bài thuyết minh về di tích và lễ hội

- Hướng dẫn viên phải có trình độ thông thạo ngoại ngữ để có thể giới thiệu và thuyết minh cho du khách nước ngoài

***Đối với khách du lịch**

Khách du lịch là nhân tố quan trọng trong du lịch. Nếu như khách du lịch không có hiểu biết về điểm đến thì cần phải có những biện pháp để giáo dục cho du khách hiểu góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên phục vụ cho du lịch

- Đặt các biển chỉ dẫn, bảng nội quy hướng dẫn du khách những việc nên làm và những việc không nên làm. Như việc cấm vứt rác, không thắp hương, không đặt tiền giọt dầu,... Quy định cả việc ăn mặc của du khách khi vào những nơi linh thiêng như không mặc váy ngắn, không đội mũ...

***Đối với dân cư địa phương**

Nâng cao ý thức của người dân địa phương trong việc bảo vệ di tích bằng cách tối đa hóa sự tham gia của nhân dân địa vào các hoạt động văn hóa nhằm mục đích để cho mọi người tiếp xúc với môi trường có văn hóa để thấy được vai trò và trách nhiệm của mình đối với các tài nguyên du lịch. Bên cạnh việc tối đa hóa vai trò của người dân thì cũng cần phải có sự giám sát và quản lý chặt chẽ tránh tình trạng ồ ạt, tràn lan gây mất trật tự.

- Xây dựng nếp sống văn minh, lịch sự không có tệ nạn xã hội

3.1.8. Một số kiến nghị

***Đối với Bộ Văn hóa thể thao và du lịch**

- Đưa cán bộ văn hóa đầu ngành về di tích để nghiên cứu từ đó có những biện pháp trùng tu, tôn tạo mở rộng khuôn viên di tích.

- Cấp kinh phí để xây dựng phòng ban làm việc cho cán bộ, nhân viên làm việc tại di tích

***Đối với Sở văn hóa thể thao và du lịch**

- Hiện tại di tích chưa có chỗ để xe cho du khách đó là một điều bất tiện cho những đoàn khách đi bằng ô tô vì vậy mà cần phải có quy hoạch để xây dựng thêm bãi đỗ xe

- Ban hành các ấn phẩm giới thiệu về di tích đền Nghè như: sách, đĩa CD...

- Xây dựng phòng triển lãm cổ vật và làm hồ sơ cổ vật để có cơ sở nhận lạc khi mất trộm

*** Đối với ban quản lí di tích**

- Phối hợp với chính quyền địa phương để xây dựng nội quy nghiêm cấm các hành vi phá hoại

- Có hệ thống hàng rào che chắn quanh những chỗ cần bảo vệ

- Cấm hoặc hạn chế các mặt hàng ảnh hưởng đến bảo tồn như: máy ảnh, máy quay phim

- Đặt bảng nội quy về văn hóa đi lễ: trang phục, lời ăn tiếng nói...

- Vào những ngày rằm, mùng 1 lượng khách đến với di tích đông cần có biện pháp điều tiết lượng khách như đóng cửa đóng cửa hoàn toàn hay một phần điểm tham quan, mở cửa luân phiên các phần cần đóng cửa tạm thời.

- Có chiến lược ưu đãi vào những ngày bình thường như: không thu tiền gửi xe, có hướng dẫn viên dành cho khách lẻ,..

3.2. Giải pháp khai thác lễ hội đền Nghè

Lễ hội là một thành tố đặc biệt quan trọng trong kho tàng di sản văn hóa Việt Nam, có vai trò to lớn, không thể tách rời trong đời sống của cộng đồng các dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, cùng với sự đổi thay nhiều mặt của đất nước, lễ hội truyền thống Việt Nam đang có sự biến đổi cả về nội dung và hình thức biểu hiện. Những hình thức mới chứa đựng những nội dung mới của hoạt động lễ hội đang diễn ra, biến động và từng bước định hình trong điều kiện mới. Việc khai thác, sử dụng và mở rộng các nội dung, thành tố của lễ hội của các địa

phương trên cả nước phục vụ kinh doanh du lịch là một vấn đề mới, hứa hẹn tiềm năng to lớn, nhưng còn rất nhiều việc phải làm.

3.2.1. Giải pháp về công tác tổ chức và quản lí

- Các cơ quan quản lý cần đẩy mạnh công tác sưu tầm nghiên cứu lễ hội, phục hồi nguyên gốc lễ hội truyền thống bên cạnh việc đề xuất mô hình lễ hội mới hài hòa giữa truyền thống và hiện đại

- Tiến hành kiểm kê, phân cấp lễ hội, phân công phân nhiệm rõ ràng đối với các cấp, các ngành quản lí

- Tăng cường đào tạo nhằm nâng cao hiểu biết năng lực quản lí lễ hội cho cán bộ ngành văn hóa thể thao và du lịch

- Đề ra quy định xử phạt cụ thể với những hành động vi phạm quy chế tổ chức lễ hội

- Đề ra quy định, biện pháp quản lí hiệu quả tiền công đức, tiền giọt dầu để tái đầu tư phục vụ tổ chức lễ hội

- Tăng cường quản lí giáo dục ý thức cho người dân khi tham gia lễ hội bằng nhiều biện pháp hành động cụ thể ngay tại không gian tổ chức lễ hội

3.2.2. Giải pháp về phát triển du lịch

**Xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng*

- Phần lễ giữ lại những nghi lễ đặc trưng mang nét truyền thống văn hóa cất bớt những thủ tục rườm rà, tránh tình trạng rơi vào mê tín dị đoan

- Tái hiện lại sự kiện lịch sử khai hoang lập ấp và chiêu mộ quân sĩ của nữ tướng Lê Chân cho đến khi giành thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Điều này sẽ khiến cho du khách cảm nhận được cái thiêng liêng và giá trị tâm linh của lễ hội.

- Phần hội bổ sung các sinh hoạt văn hóa tinh thần như các trò chơi dân gian, các hội thi... có tính quần chúng tạo nhiều không gian mở cho du khách tham gia trực tiếp vào lễ hội

- Kết hợp với lễ hội để mở các cuộc triển lãm, gian hàng bán đồ lưu niệm, những sản phẩm độc đáo

**Đa dạng hóa sản phẩm du lịch*

- Đưa các yếu tố, các hoạt động của lễ hội dân gian truyền thống vào khai thác trong lễ hội văn hóa du lịch và ngược lại

- Kết hợp du lịch lễ hội với các loại hình du lịch khác như nghiên cứu, hội nghị...

**Phương thức liên kết*

- Liên kết với đội ngũ công tác viên để có thêm nguồn nhân lực phục vụ cho lễ hội

- Liên kết với các cơ sở hộ dân để có chỗ đỗ xe cho du khách khi tham gia lễ hội

3.2.3. Giải pháp về đào tạo

- Tăng cường đào tạo nhằm nâng cao hiểu biết năng lực quản lí lễ hội cho cán bộ ngành Văn hóa thể thao và du lịch

- Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch có đủ kiến thức và kĩ năng truyền tải được nội dung ý nghĩa của lễ hội cho du khách đặc biệt là du khách quốc tế

- Nâng cao hiểu biết cho người dân tham gia lễ hội về ý nghĩa, giá trị đích thực của lễ hội. Nâng cao hiểu biết về văn hóa đi lễ, văn hóa ứng xử trong lễ hội

3.2.4. Giải pháp về tuyên truyền, quảng bá lễ hội

- Xây dựng nội dung giới thiệu về lễ hội đền Nghè trên các website

- Trước thời gian lễ hội mở cuộc thi tìm hiểu và làm theo tấm gương người nữ anh hùng Lê Chân sau đó công bố giải thưởng tại lễ hội để thu hút nhiều người tham gia.

- Đa dạng hóa các loại hình ấn phẩm như sách, tạp chí, đĩa CD... để tuyên truyền giới thiệu về lễ hội bằng nhiều thứ tiếng khác nhau

- Đăng kí lễ hội tham gia tuần văn hóa hưởng ứng năm du lịch quốc gia Đồng bằng sông Hồng 2013 để quảng bá giới thiệu hình ảnh địa phương tới các tỉnh thành phố khu vực Đồng bằng sông Hồng.

3.3. Tiểu kết chương 3

Như vậy để cho di tích và lễ hội đền Nghè trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước cần phải có những giải pháp cụ thể để hoạt động du lịch phát triển bền vững mà không làm mất đi những giá trị văn hóa của dân tộc. Đây không phải là công việc của cá nhân hay tập thể mà là trách nhiệm của toàn dân để cùng chung một mục đích là xây dựng đất nước giàu đẹp, đậm đà bản sắc dân tộc. Qua đây bài khóa luận xin đóng góp một số giải pháp và kiến nghị để phát triển du lịch tại di tích lịch sử văn hóa nói riêng và của cả nước nói chung.

KẾT LUẬN

Hải Phòng có rất nhiều những di tích lịch sử văn hóa có giá trị về nhiều mặt: lịch sử, kiến trúc, mỹ thuật,...đây là mảnh đất giàu tiềm năng trong phát triển du lịch nhân văn. Bên cạnh việc kết hợp với các lễ hội truyền thống sẽ trở thành một sản phẩm du lịch độc đáo hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế. Di tích và lễ hội đền Nghè là thành quả của sự kết hợp đó. Đây là điểm du lịch có vị trí nằm ngay trung tâm thành phố nơi hội tụ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Đến với di tích và lễ hội đền Nghè du khách không chỉ được sống lại quá khứ hào hùng của dân tộc mà còn được chiêm ngưỡng những thành quả sáng tạo nghệ thuật của con người qua những công trình kiến trúc độc đáo.

Bên cạnh đó di tích và lễ hội còn có những mặt hạn chế cả về mặt vật chất và chuyên môn. Di tích còn gặp vướng mắc trong việc quản lý và mở rộng khuôn viên di tích. Đường vào di tích còn nhỏ hẹp và chưa có chỗ để xe, lễ hội còn thiếu nguồn nhân lực và đang trên đà mất dần những giá trị truyền thống là một trong số những khó khăn cơ bản của điểm du lịch.

Để khắc phục tình trạng này cần có sự phối kết hợp của nhiều ban ngành, các cấp Trung Ương, thành phố, quận, phường và người dân địa phương nơi có di tích để tìm ra giải pháp hữu hiệu trong quy hoạch, đầu tư, tôn tạo, quảng bá, giáo dục...Có như vậy thì di tích và lễ hội mới có đủ điều kiện để phát huy được hết tiềm năng du lịch, cung cấp những sản phẩm du lịch đặc trưng của thành phố Hải Phòng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài thuyết minh về di tích lịch sử văn hóa đền Nghè – Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa đền Nghè
2. Hồ sơ các di tích lịch sử văn hóa tại Hải Phòng – Bảo tàng Hải Phòng
3. Nữ tướng Lê Chân trong tâm thức người dân Hải Phòng – Bảo tàng Hải Phòng
4. Phong tục tập quán và lễ hội của người Việt / Nguyễn Trọng Báu; Hà Nội: Văn hoá - Thông tin.
5. Tổng quan về du lịch và phát triển bền vững – Nguyễn Đình Hòa
6. Nhập môn khoa học du lịch/ Trần Đức Thanh. – H.: Đại học Quốc gia, 1999
7. Giáo trình Cơ sở văn hoá Việt Nam - Trần Quốc Vượng
8. Kịch bản lễ hội truyền thống đền Nghè – Phòng văn hóa phường An Biên

PHỤ LỤC
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ DI TÍCH ĐỀN NGHÈ



Nghê môn



Tiền tế



Bia thần tích



Tứ Phủ



Voi đá, ngựa đá



Khánh đá



Sập đá tại hiên hậu cung



Miêu đá

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ LỄ HỘI ĐÈN NGHÈ



Màn khai hội



Đoàn rước



Lễ dâng hương



Màn trống hội